

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HỌC MÔN  
TRƯỜNG MẪU GIÁO BÔNG SEN 1**

## **BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**  
**TRƯỜNG MẪU GIÁO BÔNG SEN 1**  
**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| <b>TT</b> | <b>Họ và tên</b>      | <b>Chức danh,<br/>chức vụ</b>               | <b>Nhiệm vụ</b>       | <b>Chữ ký</b> |
|-----------|-----------------------|---------------------------------------------|-----------------------|---------------|
| 1         | Phạm Thị Hòa          | Hiệu trưởng                                 | Chủ tịch              |               |
| 2         | Nguyễn Thị Trinh      | Phó Hiệu trưởng                             | Phó Chủ tịch          |               |
| 3         | Nguyễn Thị Thanh Tiên | Phó Hiệu trưởng                             | Trưởng nhóm<br>thư ký |               |
| 4         | Huỳnh Ngọc Mai        | Tổ trưởng<br>tổ văn phòng<br>Nhân viên Y tế | Thành viên            |               |
| 5         | Lợi Thanh Thúy        | Chủ tịch<br>Công đoàn                       | Thành viên            |               |
| 6         | Hồ Ngọc Anh           | Bí thư<br>Chi đoàn                          | Thành viên            |               |
| 7         | Hoàng Thị Tuyền       | Văn thư                                     | Thành viên            |               |
| 8         | Nguyễn Thị Ngọc Hương | Khối trưởng<br>Khối 3 – 4 tuổi              | Thành viên            |               |
| 9         | Bùi Thị Hoàng Diễm    | Khối trưởng<br>Khối 4 – 5 tuổi              | Thành viên            |               |
| 10        | Lê Thanh Lộc          | Khối trưởng<br>Khối 5 – 6 tuổi              | Thành viên            |               |
| 11        | Nguyễn Thị Kim Thoa   | TB- TTND                                    | Thành viên            |               |

# THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                             | Trang |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                              | 3     |
| Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)                                                                   |       |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                                    | 5     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                         | 6     |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                          |       |
| <b>A. ĐẠT VẤN ĐỀ</b>                                                                                 | 11    |
| 1. Tình hình chung của nhà trường                                                                    | 11    |
| 2. Mục đích tự đánh giá                                                                              | 12    |
| 3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá                             | 12    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                                | 14    |
| <b>I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3</b>                                                         |       |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                                   | 14    |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                        | 14    |
| <b>Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</b>                      | 14    |
| <b>Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác</b> | 17    |
| <b>Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường</b>   | 19    |
| <b>Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng</b>                     | 22    |
| <b>Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo</b>                                                | 26    |
| <b>Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản</b>                                        | 28    |
| <b>Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên</b>                                          | 30    |
| <b>Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục</b>                                                  | 33    |
| <b>Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</b>                                                 | 35    |
| <b>Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học</b>                                    | 36    |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</b>                                                                      | 39    |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên</b>                                            | 41    |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                        | 41    |
| <b>Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng</b>                                            | 41    |
| <b>Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên</b>                                                               | 43    |
| <b>Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên</b>                                                               | 46    |
| <b>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</b>                                                                      | 48    |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                              | 49    |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                        | 49    |

|                                                                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <b>Tiêu chí 3.1:</b> Diện tích, khuôn viên và sân vườn                                                              | 49 |
| <b>Tiêu chí 3.2:</b> Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập                                | 51 |
| <b>Tiêu chí 3.3:</b> Khối phòng hành chính - quản trị                                                               | 52 |
| <b>Tiêu chí 3.4:</b> Khối phòng tổ chức ăn                                                                          | 53 |
| <b>Tiêu chí 3.5:</b> Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi                                                                     | 54 |
| <b>Tiêu chí 3.6:</b> Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước                                                           | 56 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i></b>                                                                              | 57 |
| <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội                                                    | 58 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                       | 58 |
| <b>Tiêu chí 4.1:</b> Ban đại diện cha mẹ trẻ                                                                        | 58 |
| <b>Tiêu chí 4.2:</b> Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 60 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i></b>                                                                              | 62 |
| <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ                                        | 62 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                       | 62 |
| <b>Tiêu chí 5.1:</b> Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non                                                        | 62 |
| <b>Tiêu chí 5.2:</b> Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ                                         | 65 |
| <b>Tiêu chí 5.3:</b> Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe                                                        | 67 |
| <b>Tiêu chí 5.4:</b> Kết quả giáo dục                                                                               | 69 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i></b>                                                                              | 72 |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                                                                     | 72 |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                                                                             | 74 |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

#### 1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.2            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.3            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.4            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.5            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.6            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.7            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.8            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.9            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.10           |           | X     | X     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 2.2            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 2.3            |           | X     | X     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            | X         |       |       |       |
| Tiêu chí 3.2            | X         |       |       |       |
| Tiêu chí 3.3            | X         |       |       |       |
| Tiêu chí 3.4            | X         |       |       |       |
| Tiêu chí 3.5            | X         |       |       |       |
| Tiêu chí 3.6            | X         |       |       |       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 4.2            |           | X     | X     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 5.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 5.2            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 5.3            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 5.4            |           | X     | X     |       |

**Kết quả:** Đạt mức 1.

## 1.2 Đánh giá tiêu chí Mức 4

| Tiêu chí<br>(Khoản, Điều) | Kết quả |           | Ghi chú |
|---------------------------|---------|-----------|---------|
|                           | Đạt     | Không đạt |         |
| Khoản 1, Điều 22          |         | x         |         |
| Khoản 2, Điều 22          |         | x         |         |
| Khoản 3, Điều 22          |         | x         |         |
| Khoản 4, Điều 22          |         | x         |         |
| Khoản 5, Điều 22          |         | x         |         |
| Khoản 6, Điều 22          |         | x         |         |

**Kết quả: Không đạt Mức 4**

**2. Kết luận:** Trường đạt mức 1

### Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): **TRƯỜNG MẪU GIÁO BÔNG SEN 1**

Tên trước đây (nếu có): Không

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn

|                                                  |                                                                                 |                       |                                                                         |
|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương             | Thành phố Hồ Chí Minh                                                           | Họ và tên Hiệu trưởng | Phạm Thị Hòa                                                            |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố                   | Hóc Môn                                                                         | Điện thoại            | 0933690790                                                              |
| Xã / phường/thị trấn                             | Trung Chánh                                                                     | Fax                   | Không có                                                                |
| Đạt CQG                                          | T.07/2014<br>Mức độ 1                                                           | Website               | <a href="http://mgbongsen1.hcm.edu.vn">http://mgbongsen1.hcm.edu.vn</a> |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | Năm 1996<br>(QĐ số 49/QĐ-UBND ngày 27/3/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn) | Số điểm trường        | 03 điểm                                                                 |
| Công lập                                         | Công lập                                                                        | Loại hình khác        | Không                                                                   |
| Tư thực                                          | /                                                                               | Thuộc vùng khó khăn   | Không                                                                   |
| Dân lập                                          | /                                                                               | Thuộc vùng đặc        | Không                                                                   |

|                                |       |
|--------------------------------|-------|
|                                |       |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |

|               |  |
|---------------|--|
| biệt khó khăn |  |
|               |  |

### 1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

| Số nhóm, lớp             | Năm học<br>2015 -<br>2016 | Năm học<br>2016 -<br>2017 | Năm học<br>2017 -<br>2018 | Năm học<br>2018 -<br>2019 | Năm học<br>2019 -<br>2020 |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi | 03                        | 03                        | 02                        | 03                        | 03                        |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 03                        | 03                        | 03                        | 03                        | 03                        |
| Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi | 03                        | 03                        | 04                        | 03                        | 03                        |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>09</b>                 | <b>09</b>                 | <b>09</b>                 | <b>09</b>                 | <b>09</b>                 |

### 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT         | Số liệu                                  | Năm học<br>2014-<br>2015 | Năm học<br>2015-<br>2016 | Năm học<br>2016 -<br>2017 | Năm học<br>2017-<br>2018 | Năm học<br>2018-<br>2019 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Ghi chú |
|------------|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| <b>I</b>   | <b>Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo</b> |                          |                          |                           |                          |                          |                          |         |
| 1          | Phòng kiên cố                            | 09                       | 09                       | 09                        | 09                       | 09                       | 09                       |         |
| 2          | Phòng bán kiên cố                        | /                        | /                        | /                         | /                        | /                        | /                        |         |
| 3          | Phòng tạm                                | /                        | /                        | /                         | /                        | /                        | /                        |         |
| <b>II</b>  | <b>Khối phòng phục vụ học tập</b>        |                          |                          |                           |                          |                          |                          |         |
| 1          | Phòng kiên cố                            | 09                       | 09                       | 09                        | 09                       | 09                       | 09                       |         |
| 2          | Phòng bán kiên cố                        | /                        | /                        | /                         | /                        | /                        | /                        |         |
| 3          | Phòng tạm                                | /                        | /                        | /                         | /                        | /                        | /                        |         |
| <b>III</b> | <b>Khối phòng hành chính quản trị</b>    |                          |                          |                           |                          |                          |                          |         |
| 1          | Phòng kiên cố                            | /                        | /                        | /                         | /                        | /                        | /                        |         |

|                  |                                                    |           |           |           |           |           |           |  |
|------------------|----------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|
| 2                | Phòng bán kiên cố                                  | 2         | 2         | 2         | 2         | 2         | 2         |  |
| 3                | Phòng tạm                                          | /         | /         | /         | /         | /         | /         |  |
| IV               | Khối phòng tổ chức ăn                              | 09        | 09        | 09        | 09        | 09        | 09        |  |
| V                | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | /         | /         | /         | /         | /         | /         |  |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                    | <b>11</b> | <b>11</b> | <b>11</b> | <b>11</b> | <b>11</b> | <b>11</b> |  |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tháng 03/2020):

|                 | Tổng số   | Nữ        | Dân tộc | Trình độ đào tạo |           |            | Ghi chú |
|-----------------|-----------|-----------|---------|------------------|-----------|------------|---------|
|                 |           |           |         | Chưa đạt chuẩn   | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |         |
| Hiệu trưởng     | 01        | 01        |         |                  |           | 01         |         |
| Phó hiệu trưởng | 02        | 02        |         |                  |           | 02         |         |
| Giáo viên       | 17        | 17        |         |                  | 03        | 14         |         |
| Nhân viên       | 11        | 08        |         |                  | 08        | 03         |         |
| <b>Cộng</b>     | <b>31</b> | <b>28</b> |         |                  | <b>11</b> | <b>20</b>  |         |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

| TT | Số liệu                                        | Năm học 2015 - 2016 | Năm học 2016 - 2017 | Năm học 2017 - 2018 | Năm học 2018 - 2019 | Năm học 2019 - 2020 |
|----|------------------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| 1  | Tổng số giáo viên                              | 17                  | 17                  | 17                  | 17                  | 17                  |
| 2  | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)     | /                   | /                   | /                   | /                   | /                   |
| 3  | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo) | /                   | 1                   | /                   | 4                   | /                   |

|   |                                                                          |                      |                      |                      |                      |                      |
|---|--------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|   | <i>không có trẻ bán trú)</i>                                             |                      |                      |                      |                      |                      |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên ( <i>đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú</i> ) | 265 trẻ/17 Giáo viên | 255 trẻ/17 Giáo viên | 230 trẻ/17 Giáo viên | 224 trẻ/17 Giáo viên | 210 trẻ/17 Giáo viên |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)   | /                    | /                    | /                    | /                    | /                    |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)                     | /                    | /                    | /                    | /                    | /                    |
| 7 | Các số liệu khác (nếu có)                                                | /                    | /                    | /                    | /                    | /                    |

#### 4. Trẻ em

| TT | Số liệu              | Năm học 2015-2016 | Năm học 2016-2017 | Năm học 2017-2018 | Năm học 2018-2019 | Năm học 2019-2020 | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|---------|
| 1  | Tổng số trẻ em       | 265               | 255               | 230               | 224               | 211               |         |
|    | - Nữ                 | 132               | 126               | 142               | 138               | 114               |         |
|    | - Dân tộc thiểu số   | 01                | /                 | /                 | /                 | /                 |         |
| 2  | Đối tượng chính sách | /                 | /                 | /                 | /                 | /                 |         |
| 3  | Khuyết tật           | /                 | /                 | /                 | /                 | /                 |         |
| 4  | Tuyển mới            | 80                | 95                | 102               | 92                | 90                |         |
| 5  | Học 2 buổi/ngày      | /                 | /                 | /                 | /                 | /                 |         |
| 6  | Bán trú              | 265               | 255               | 230               | 224               | 211               |         |
| 7  | Tỉ lệ trẻ em/lớp     | 265/9<br>= 29,44% | 255/9<br>= 28,33% | 230/9<br>= 25,55% | 224/9<br>= 24,88% | 211/9<br>= 23,44% |         |

|   |                                  |                  |                  |                  |                  |                 |  |
|---|----------------------------------|------------------|------------------|------------------|------------------|-----------------|--|
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm                |                  |                  |                  |                  |                 |  |
|   | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | /                | /                | /                | /                | /               |  |
|   | - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | /                | /                | /                | /                | /               |  |
|   | - Trẻ em từ 24 đến 36 tháng tuổi | /                | /                | /                | /                | /               |  |
|   | - Trẻ em từ 3-4 tuổi             | 60/3<br>= 20%    | 44/3<br>= 14,6%  | 44/2<br>= 22%    | 48/3<br>= 16%    | 40/3<br>= 13,3% |  |
|   | - Trẻ em từ 4-5 tuổi             | 100/3<br>= 33,3% | 101/3<br>= 33,6% | 61/3<br>= 20,3%  | 61/3<br>= 20,3%  | 80/3<br>= 26,6% |  |
|   | - Trẻ em từ 5-6 tuổi             | 105/3<br>= 35%   | 110/3<br>= 36,6% | 125/4<br>= 31,2% | 115/3<br>= 38,3% | 91/3<br>= 30,3% |  |
| 9 | Các số liệu khác (nếu có)        | /                | /                | /                | /                | /               |  |

**5. Các số liệu khác (nếu có):** Không có

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 được thành lập theo quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 27/03/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn. Trường có 03 cơ sở gồm có: Cơ sở 01 điểm chính tọa lạc tại địa chỉ 123/3 Ấp Trung Chánh 1 xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn- cơ sở được tiếp nhận từ nhà của dân kết cấu xây dựng trệt, 1 lầu có 3 phòng học, 1 văn phòng, 01 phòng y tế, nhà vệ sinh chung. Cơ sở 02 điểm Trung Mỹ Tây tọa lạc tại địa chỉ 43/4 Ấp Trung Mỹ Tây, có 03 phòng học, 01 nhà bếp và 01 nhà vệ sinh chung, xã Trung Chánh Huyện Hóc Môn, Cơ sở 03 điểm Mỹ Huệ tọa lạc tại địa chỉ 28/3 D Ấp Mỹ Huệ, Xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, có 03 phòng học, 2 nhà vệ sinh khép kín, 01 văn phòng.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi tìm tòi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua luôn được duy trì về số lượng, chất lượng chăm sóc giáo dục ngày càng được nâng cao. Năm học 2019-2020, trường có 17/17 giáo viên đạt trình độ chuẩn (trong đó trên chuẩn là 13/16, đạt tỷ lệ 81,25%) được phân công trực tiếp làm công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Tổng số học sinh của trường là 211 trẻ chia thành 9 lớp gồm có 3 lớp 3-4 tuổi, 3 lớp 4-5 tuổi, 3 lớp 5-6 tuổi. Trường đã đạt được thành tích “Tập thể lao động tiên tiến” nhiều năm liền, “Tập thể lao động xuất sắc” năm học 2016-2017, năm học 2017-2018, năm học 2018-2019.

Chi bộ trường sinh hoạt độc lập có 14 đảng viên, năm 2017 đạt “Chi bộ trong sạch vững mạnh”, năm 2019 đạt chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Nhiều năm liền, Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt “Vững mạnh”, “Xuất sắc”. Ban đại diện Cha mẹ học sinh tích cực hỗ trợ nhà trường trong việc nuôi dạy trẻ góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

##### **2. Mục đích tự đánh giá**

Căn cứ Kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện hóc môn về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2019 – 2020. Nhà trường thực hiện việc tự đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non với mục đích, giúp nhà trường xem xét, kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá xác định trường mầm non đạt chất lượng giáo

dục năm học 2019 - 2020; Căn cứ theo Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018, Trường MG Bông Sen 1 đã tiến hành công tác tự đánh giá nhằm mục đích xác định những điểm mạnh, điểm hạn chế của đơn vị và có kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục, đồng thời công khai với xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường và làm căn cứ để giải trình với các cơ quan chức năng, để các cấp có thẩm quyền đánh giá, công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

### **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non. Trường MG Bông Sen 1 thực hiện tự kiểm định chất lượng nhà trường với quá trình tự đánh giá như sau:

| <b>Thời gian</b>                              | <b>Nội dung hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tuần 1<br/>(09/9/2019 - 13/9/2019)</b>     | <ol style="list-style-type: none"> <li>Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng tự đánh giá và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động tự đánh giá</li> <li>Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá để: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân;</li> <li>Tổ chức tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá cho thành viên Hội đồng tự đánh giá của trường và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các nhóm công tác.</li> <li>Dự thảo và ban hành Kế hoạch tự đánh giá.</li> </ul> </li> <li>Phổ biến Kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.</li> </ol> |
| <b>Tuần 2<br/>(16/9/2019 – 20/9/2019)</b>     | <ol style="list-style-type: none"> <li>Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí.</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Tuần 3 –4<br/>(23/9/2019 – 04/10/2019)</b> | <ol style="list-style-type: none"> <li>Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí (tiếp theo việc tuần 2);</li> <li>Phân loại và mã hóa các minh chứng thu được.</li> </ul> </li> <li>Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.</li> <li>Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí.</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Tuần 5–6</b><br><b>(07/10/2019 – 18/10/2019)</b> | Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí (tiếp theo việc tuần 3 - 4).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>Tuần 7</b><br><b>(21/10/2019 – 25/10/2019)</b>   | Họp hội đồng tự đánh giá để:<br>- Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá (nếu có);<br>- Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng tự đánh giá;<br>- Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí (trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng);<br>- Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có);<br>- Dự thảo báo cáo tự đánh giá.                  |
| <b>Tuần 8</b><br><b>(28/10/2019 – 01/11/2019)</b>   | Họp Hội đồng tự đánh giá để:<br>- Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan (nếu có);<br>- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá;<br>- Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung;<br>- Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường;<br>- Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá;<br>- Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý;<br>- Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung và đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng. |
| <b>Tuần 9</b><br><b>(04/11/2019 – 08/11/2019)</b>   | 1. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành.<br>2. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp để lấy ý kiến.<br>3. Chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có).<br>4. Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường).<br>5. Lưu trữ báo cáo tự đánh giá, các minh chứng và các tài liệu liên quan.                          |

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường phân công, phân nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo chức năng, năng lực của mỗi người. Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác đã huy động toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia vào công tác tự đánh giá để hỗ trợ thu thập, xử lý, phân tích các thông tin minh chứng, đối chiếu các tiêu chí, tiêu chuẩn theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Trên cơ sở đánh giá sát thực các điểm mạnh và điểm yếu trên các lĩnh vực hoạt động của nhà trường

để giúp cho nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục ngày được hoàn thiện.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.**

#### **Mở đầu**

Đơn vị xây dựng chiến lược và phát triển nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường, có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non; các lớp được tổ chức theo từng độ tuổi; các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được tổ chức hoạt động đảm bảo theo quy định. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn chấp hành nghiêm túc mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục. Đơn vị chú trọng công tác quản lý trẻ trong mọi hoạt động chăm sóc - giáo dục theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Trường đã xây dựng và thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; tích cực thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành giáo dục và Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn phát động; quản lý tài chính, tài sản đúng quy định của nhà nước và sử dụng trong hoạt động giáo dục đạt hiệu quả, luôn đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho trẻ và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Ổn định, xây dựng và phát triển nhà trường có uy tín về mọi mặt, tiến tới tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại. Trong quá trình phát triển, đơn vị từng bước xây dựng, thực hiện quản lý theo quy trình, biểu mẫu, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn từng chức danh trong nhà trường.

#### **Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

##### **Mức 1**

*a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.*

*b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

**Mức 2**

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

**Mức 3**

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng****Mức 1**

a) Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2019 – 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn, nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020, số 16/KH-MGBS1, ngày 10 tháng 9 năm 2015 của trường Mẫu giáo Bông Sen 1. Đồng thời, trong từng năm học có xây dựng và ban hành kế hoạch năm học [H1-1.1-01]. Các kế hoạch đều xác định mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với mục tiêu của giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục (Điều 22, Văn bản hợp nhất luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH, ngày 31/12/2015); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Trung Chánh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn theo từng giai đoạn như: thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, đội ngũ cán bộ, giáo viên thực hiện tốt công nghệ thông tin và tổ chức hoạt động trong nhà trường, tích cực, hiệu quả và phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như phát huy vai trò lãnh đạo, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên và phụ huynh về công tác xã hội hóa giáo dục; có định hướng, có kế hoạch cụ thể và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực huy động được.

b) Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015 – 2020, được xác định bằng văn bản theo Kế hoạch số 16/KH-MNTT, ngày 10 tháng 9 năm 2015 và được Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bản tin của nhà trường, qua các buổi họp liên tịch, Ban giám hiệu, Hội đồng sư phạm [H1-1.1-02] và đăng tải rộng rãi trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin nội bộ của nhà trường [H1-1.1-03].

**Mức 2**

Hiệu trưởng đã đề ra các giải pháp cụ thể giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Đánh giá kết quả thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường qua các buổi họp Ban giám hiệu, liên tịch, Hội đồng sư phạm hằng tháng [H1-1.1-02]. Qua đó kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm những mặt còn hạn chế và có chế độ khen thưởng, phát huy những mặt đã làm được. Bên cạnh, qua các buổi họp sơ kết học kỳ I, tổng kết năm học [H1-1.1-04]. Hiệu trưởng đã tổ chức cho tập thể Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thảo luận, đánh giá lại những nhiệm vụ làm được và những khó khăn, hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực hiện để cùng nhau giải quyết, góp ý, chia sẻ ý tưởng thực hiện, sau đó thống nhất, đề ra các biện pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp nhằm xây dựng kế hoạch chiến lược cho những năm học tiếp theo. Ngoài ra, Hiệu trưởng đã triển khai và thực hiện tốt quy chế công khai trong nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo, để từ đó nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và cam kết chất lượng giáo dục tại đơn vị [H1-1.1-03].

### **Mức 3**

Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường bám vào mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của năm học. Từ đó, bổ sung, điều chỉnh cho giai đoạn tiếp theo phù hợp tình hình thực tế của đơn vị, của địa phương. Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia đóng góp của các thành viên trong Hội đồng trường, tập thể Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, Cha mẹ học sinh qua các buổi họp Ban giám hiệu, liên tịch, Hội đồng sư phạm, sơ kết, tổng kết năm học và qua các buổi họp cha mẹ học sinh định kỳ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]. Tuy nhiên kế hoạch phương hướng chiến lược của nhà trường chưa có sự tham gia của chính quyền địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng đã xây dựng đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn và kế hoạch từng năm học. Các kế hoạch xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, tình hình thực tế của nhà trường và địa phương. Có các biện pháp cụ thể để tiến hành giám sát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, kế hoạch năm học, được Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện Hóc Môn phê duyệt, đã thực hiện có hiệu quả công tác công khai đến đội ngũ Cán bộ quản lý -giáo viên -nhân viên và cộng đồng thông qua các buổi họp, trên cổng thông tin nội bộ, trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

### 3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường khi xây dựng chưa có sự tham gia của chính quyền địa phương.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 8 năm 2020, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo đội ngũ xây dựng và thực hiện phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường của giai đoạn tiếp theo, cần tăng cường công tác phối hợp với chính quyền địa phương trong việc đóng góp ý kiến chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường về các mặt để thực hiện hiệu quả công tác phát triển nhà trường và đảm bảo thực hiện đạt chất lượng chương trình giáo dục mầm non.

### 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

#### Mức 1

- a) Được thành lập theo quy định.
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định.
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

#### Mức 2

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

### 1. Mô tả hiện trạng

#### Mức 1

a) Hội đồng trường Mẫu giáo Bông Sen 1 được thành lập theo Quyết định số 2302/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch Ủy Ban nhân dân Huyện Hóc Môn ban hành về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường Mẫu giáo Bông Sen 1 nhiệm kỳ 2018 – 2023. Hội đồng trường gồm 09 thành viên: Cán bộ quản lý, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Chi đoàn, và các tổ trưởng chuyên môn, Hội đồng hoạt động theo đúng quy định của Ngành [H1-1.2-01]. Bên cạnh đó, nhà trường còn thành lập các Hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng được thành lập theo Quyết định số 55/QĐ-MNTT, ngày 10 tháng 10 năm 2019 [H1-1.2-02], Hội đồng khoa học được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-MNTT, ngày 03 tháng 01 năm 2020 [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường và các hội đồng khác đều có quy định rõ về cơ cấu tổ chức, thành phần, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

c) Hội đồng trường và các Hội đồng khác được tổ chức họp định kỳ nhằm rà soát và đánh giá các hoạt động để nâng cao chất lượng chăm sóc- nuôi dưỡng và giáo dục trẻ như: Hội đồng trường được tổ chức họp thường kỳ hai lần/năm học nhằm giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng sư phạm nhà trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Quyết nghị các mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua họp vào mỗi cuối tháng nhằm nhận xét, đánh giá công tác thi đua của các tổ công đoàn. Ngoài ra, Hội đồng thi đua còn có các buổi họp vào giữa và cuối học kỳ để xét thi đua khen thưởng tập thể, cá nhân đạt các thành tích thi đua đã đăng ký ở đầu năm học [H1-1.2-02]. Hội đồng khoa học được tổ chức họp định kỳ hai lần/năm học để họp xét, chấm sáng kiến, đồng thời đề xuất Hiệu trưởng ra quyết định công nhận sáng kiến đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng [H1-1.2-03].

## **Mức 2**

Các hội đồng trong trường hoạt động có hiệu quả thông qua kết quả bình xét thi đua, khen thưởng, xét duyệt sáng kiến, thi giáo viên giỏi, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

## **2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường được thành lập theo quy định và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, 19 của Điều lệ trường mầm non (Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Các thành viên trong Hội đồng đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Hội đồng khoa học còn vài thành viên chưa có nhiều kỹ năng tư vấn, đánh giá hiệu quả của sáng kiến còn chung chung.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 – 2020, Hội đồng trường và các hội đồng khác tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng tư vấn cho các thành viên của Hội đồng khoa học và chỉ đạo các thành viên trong Hội đồng khoa học tổ chức xét duyệt, chấm điểm các sáng kiến kinh nghiệm của các cá nhân một cách khách quan, trung thực, công bằng theo đúng hướng dẫn của ngành.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

### **Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

#### **Mức 1:**

a) Công đoàn trường Mẫu giáo Bông Sen 1 hoạt động dưới sự chỉ đạo của Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn, theo Quyết định số 233/QĐ-LĐLĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2019 nhiệm kỳ 2019-2024 của Liên đoàn lao động huyện Hóc Môn về Quyết định công nhận Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trường Mẫu giáo Bông Sen 1, đã bầu ra Ban Chấp hành Công đoàn gồm 03 thành viên. Tổng số công đoàn viên là 29/29 (tỷ lệ: 100%), phân chia thành 03 tổ công đoàn gồm 02 tổ công đoàn chuyên môn và 01 tổ công đoàn công nhân viên [H1-1.3-01].

Chi đoàn trường mẫu giáo Bông Sen 1 trực thuộc Đoàn xã Trung Chánh. Ban chấp hành chi đoàn được bầu ra từ Đại hội chi đoàn hằng năm, gồm 03 thành viên và được Ban chấp hành Đoàn xã Trung Chánh ra quyết định chuẩn y. Năm học 2020 - 2021, Chi đoàn gồm 10/10 đoàn viên/thanh niên trong tuổi đoàn, chiếm tỷ lệ 100% [H1-1.3-02].

Chi hội Chữ thập đỏ trực thuộc hội Chữ thập đỏ huyện Hóc Môn. Ban chấp hành Chi hội gồm 03 thành viên do Phó Hiệu trưởng làm Chủ tịch, Chi hội gồm 29/29 hội viên (Tỷ lệ 100%), [H1-1.3-03].

Chi hội Khuyến học hoạt động theo sự chỉ đạo của hội Khuyến học trường Mẫu giáo Bông Sen 1, gồm 29/29 hội viên (Tỷ lệ 100%). Ban chấp hành hội Khuyến học gồm 03 thành viên do Hiệu trưởng làm Hội trưởng, Chủ tịch Công đoàn làm Phó Hội trưởng và 01 nhân viên ủy viên [H1-1.3-04].

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức khác, tổ chức sinh hoạt định kỳ hằng tháng theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức để thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường. Cụ thể như sau:

Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của công đoàn từ 03 tháng, 06 tháng và cả 01 nhiệm kỳ. Báo cáo tình hình tổ chức các hoạt động Công đoàn với Cấp ủy Chi bộ, Công đoàn cấp trên định kỳ 01 tháng 01 lần. Đẩy mạnh hoạt động chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công đoàn viên. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao năng lực làm chủ của công đoàn viên [H1-1.3-03].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo quy tắc tập trung dân chủ. Khi tổ chức hoạt động đoàn viên sẽ được cung cấp thông tin và phát biểu ý kiến của mình,

ý kiến thuộc về thiểu số, được quyền bảo lưu và tổ chức, tiến hành hoạt động theo ý kiến của đa số [H1-1.3-02].

Căn cứ vào kế hoạch hội Chữ thập đỏ Huyện học môn, Chi hội Chữ thập đỏ trường mẫu giáo Bông Sen 1 xây dựng kế hoạch Hội Chữ thập đỏ phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; Hội Chữ thập đỏ đăng ký thực hiện các công trình nhân đạo với Hội Chữ thập đỏ Huyện tổ chức và tham gia các công tác xã hội của trường và của Huyện [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Dựa vào kế hoạch của hội Khuyến học xã Trung Chánh, Chi hội khuyến học trường mẫu giáo Bông Sen 1 đã xây dựng kế hoạch và các hoạt động cụ thể. Chú trọng đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong đơn vị; Tổ chức khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập và nâng cao trình độ, khen thưởng con cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt thành tích cao trong học tập vào cuối năm học [H1-1.3-06].

Tuy nhiên, cách trình bày nội dung họp trong sổ họp Công đoàn, Chi đoàn chưa cụ thể, chưa phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong ban chấp hành hoạt động.

c) Hằng năm các đoàn thể và các tổ chức khác được tổ chức họp định kỳ hai lần/ năm nhằm rà soát, đánh giá cụ thể các hoạt động làm được và chưa làm được theo các biểu mẫu đánh giá của cấp trên và đưa vào khen thưởng những cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để có giải pháp cải thiện vào năm học sau. Cụ thể như sau:

Công đoàn cơ sở đạt Công đoàn vững mạnh - xuất sắc nhiều năm học liên tục từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019 – 2020 [H1-1.3-01].

Chi đoàn đạt Chi đoàn vững mạnh nhiều năm liên tục từ năm 2016 đến năm 2020 [H1-1.3-02].

## **Mức 2:**

a) Trường có Chi bộ trực thuộc Đảng bộ xã Trung Chánh. Liên tục từ năm 2016 đến nay, Chi bộ đã đạt được các thành tích như: Chi bộ "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" năm 2016, 2017; riêng năm 2015, 2018, 2019 Chi bộ “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H1-1.3-05].

b) Công đoàn, chi đoàn và các tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Hằng năm, Công đoàn và Đoàn Thanh niên đều có giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho tổ chức Đảng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]. Chi hội Khuyến học thành lập quỹ để phát thưởng cho con Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có thành tích học tập cao vào cuối năm học [H1-1.3-04]. Chi hội Chữ thập đỏ nhà trường chăm lo cho học sinh, giáo viên, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn vui tết [H1-1.3-03].

## **Mức 3**

a) Từ năm 2016 đến năm 2020 Chi bộ trường mẫu giáo Bông Sen 1 lãnh đạo các hoạt động của nhà trường nề nếp, hiệu quả, trong 03 (năm 2017, 2018, 2019) chi bộ đạt danh hiệu “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; riêng năm 2015 và năm 2018, 2019 đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” [H1-1.3-05].

b) Công đoàn cùng với chính quyền tổ chức các phong trào thi đua nhằm động viên Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được phân công. Tham gia với chính quyền trong việc quản lý đơn vị và giám sát thi hành các chế độ chính sách; vận động công đoàn viên tham gia đóng góp các hoạt động trong công tác xã hội của trường và của huyện; phối hợp chính quyền nhà trường giáo dục rèn luyện công đoàn viên về tư tưởng chính trị, thái độ đối với nghề và thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá, phân loại công chức - viên chức và người lao động [H1-1.3-06].

Ban Chấp hành Chi đoàn trường vận động đoàn viên tham gia các hoạt động của Chính quyền nhà trường phát động, thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ cùng các hoạt động Lễ hội cho trẻ trải nghiệm học tập, vui chơi; đoàn viên tham gia công tác xã hội do đoàn xã, nhà trường phát động, tham gia các hoạt động tuyên truyền về luật giao thông, hưởng ứng giờ trái đất, phân loại rác, vệ sinh môi trường [H1-1.3-02].

Hội Chữ thập đỏ tổ chức cho tập thể tham gia các công tác xã hội của trường và huyện nhằm giáo dục tinh thần “Lá lành đùm lá rách” và “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”; tham gia quyên góp theo từng giai đoạn và sự kiện của xã hội kết hợp các hoạt động giáo dục học sinh được sự hưởng ứng nhiệt tình từ phía Cha mẹ học sinh [H1-1.3-03]. Tuy nhiên trường chưa tham gia công tác hiến máu nhân đạo.

Hội Khuyến học nhà trường đã tuyên truyền, động viên Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động tham gia phong trào học tập suốt đời đạt được kết quả cao trong nhà trường; tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ nâng cao trình độ đáp ứng được nhu cầu công tác, nâng cao tay nghề chuyên môn và chính trị góp phần tích cực phát triển các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-04]. Tuy nhiên phụ huynh tham gia đóng góp còn ít.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác. Luôn chấp hành nghiêm túc những chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giáo dục các cấp. Giúp nhà trường thực hiện tốt các phong trào thi đua, hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục và thực

hiện có hiệu quả các hoạt động chăm sóc - giáo dục trẻ.

### **3. Điểm yếu**

Cách trình bày nội dung họp trong sổ họp Công đoàn, Chi đoàn chưa cụ thể.

Chưa phân công phân việc trong ban chấp hành.

Công đoàn viên chưa tham gia hiến máu nhân đạo.

Hội khuyến học phụ huynh tham gia đóng góp còn ít

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm 2019, Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường. Bên cạnh, tiếp tục chỉ đạo Cấp ủy Chi bộ xây dựng kế hoạch tạo nguồn và phát triển đảng viên, chủ động rà soát, tạo điều kiện bồi dưỡng về nhận thức, tư tưởng chính trị, đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn cho đội ngũ, nhằm phát triển về số lượng đảng viên và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong Chi bộ. Từ đó, xây dựng nội bộ Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### **Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

##### **Mức 1**

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

##### **Mức 2**

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

##### **Mức 3**

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

a) Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 thuộc trường hạng I, Hiệu trưởng được bổ nhiệm lại theo Quyết định số 12/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 9 năm 2016; 01 Phó Hiệu trưởng giáo dục được bổ nhiệm theo Quyết định số 4680/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 10 năm 2019 và 01 Phó Hiệu trưởng chăm sóc - nuôi dưỡng được bổ nhiệm theo Quyết định số 4227/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 9 năm 2020 [H1-1.4-01].

b) Trường có 02 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Hằng năm, nhà trường ra Quyết định thành lập 02 tổ chuyên môn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non gồm: Tổ giáo viên khối 3 - 4 tuổi và khối 4-5 tuổi (có 10 giáo viên), khối 5 - 6 tuổi (có 06 giáo viên) và tổ văn phòng gồm có 10 thành viên: gồm 01 nhân viên văn thư; 01 nhân viên y tế, 01 nhân viên kế toán, 02 nhân viên nuôi dưỡng, 02 nhân viên phục vụ, 03 nhân viên bảo vệ [H1-1.4-02].

Trong mỗi tổ đều có phân công một thành viên làm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn [H1-1.4-02].

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định như:

Tổ chuyên môn giáo viên sinh hoạt định kỳ hai tuần/lần, khi trường có yêu cầu, các tổ sẽ được triệu tập họp đột xuất. Phó Hiệu trưởng nắm lịch sinh hoạt chuyên môn của từng tổ để kiểm tra, giám sát hoạt động chuyên môn của các tổ. Tổ chuyên môn giáo viên xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác. [H1-1.4-02]. Ngoài ra, tổ chuyên môn giáo viên thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, tài sản của lớp [H1-1.4-03] theo kế hoạch của nhà trường. Tham gia đầy đủ các nội dung học tập, bồi dưỡng thường xuyên hằng năm. Thực hiện đạt hiệu quả công tác dự giờ đồng nghiệp để cùng xây dựng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ [H1-1.4-04]. Bên cạnh, tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.3-08] và đánh giá, xếp loại công chức viên chức [H1-1.3-06]; đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên.

Cấp dưỡng thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, hoạt động dưới sự quản lý của Phó Hiệu trưởng chăm sóc - nuôi dưỡng và tổ trưởng tổ văn phòng là nhân viên y tế tham gia sinh hoạt 2 lần/tháng [H1-1.4-02].

Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ hai tuần/lần và các buổi họp đột xuất để rút kinh nghiệm khi cần thiết. Tổ trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, năm

nhằm phục vụ cho việc hỗ trợ các hoạt động của nhà trường về công tác chăm sóc, dinh dưỡng cho trẻ; quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-05].; các nhóm khác do Phó Hiệu trưởng phụ trách khâu chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp điều hành. Tổ văn phòng thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên [H1-1.3-06].

## **Mức 2**

a) Để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, hằng năm, các tổ chuyên môn đều có đề xuất thực hiện từ một đến hai chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-09]. Ngoài ra, các tổ chuyên môn giáo viên còn phối hợp cùng nhà trường trong việc thực hiện các chuyên đề như:

Năm học 2014 - 2015: Chuyên đề “Đổi mới tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường mầm non”.

Năm học 2017 - 2018: Chuyên đề “Xây dựng và sử dụng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”. Chuyên đề cấp cụm ”Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong trường mầm non”.

Năm học 2018 - 2019: Chuyên đề cấp Quận “Đổi mới tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ trong trường mầm non”, thông qua tổ chức ngày hội tại sân trường với chủ đề ”Chắp cánh ước mơ cho trí tưởng tượng của trẻ”.

Năm học 2019 - 2020: Chuyên đề cấp Quận ”Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong trường mầm non”.

Tổ cấp dưỡng hằng năm thực hiện các chuyên đề: Nâng chất lượng tổ chức bữa ăn cho trẻ trong trường mầm non, dinh dưỡng và phát triển, thực hành thao tác chế biến của cấp dưỡng, kiểm tra an toàn thực phẩm [H1-1.4-09].

b) Hằng tháng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có tổ chức họp định kỳ 2 lần/tháng để tự đánh giá, nhận xét rút kinh nghiệm những công tác đã và chưa thực hiện tốt, kịp thời bổ sung, sửa chữa đồng thời nhắc nhở động viên các thành viên trong tổ thực hiện tốt các nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Vào các đợt sơ kết, tổng kết thi đua, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện việc đánh giá, xếp loại, đề xuất khen thưởng, giáo viên, nhân viên. Trong những năm học qua tại trường không cá nhân nào bị kỷ luật.

## **Mức 3**

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ và các hoạt động của nhà trường. Cụ thể như sau:

Tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc Chương trình Giáo dục Mầm non, kế hoạch của nhà trường về công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Thực hiện học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng hiệu quả công tác của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-02], quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi [H1-1.4-04], đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh cho trẻ.

Tổ văn phòng thực hiện hiệu quả việc quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-10]. Thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của các thành viên trong tổ dựa theo kế hoạch kiểm tra bộ phận của nhà trường [H1-1.4-11].

Tuy nhiên, nội dung sinh hoạt của tổ cấp dưỡng và tổ văn phòng chưa phong phú, chưa đi vào chiều sâu, các thành viên trong tổ chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi sinh hoạt chuyên môn.

b) Tổ Chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn của tổ và của nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.4-09]. Ngoài ra, tổ chuyên môn giáo viên còn đề xuất và thực hiện hiệu quả các hoạt động lễ hội cho trẻ như: Bé vui hội trăng rằm, bé vui đón Noel, đón tết .... [H1-1.4-12].

## **2. Điểm mạnh**

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của tổ theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và thực hiện đạt hiệu quả theo nhiệm vụ được phân công.

## **3. Điểm yếu**

Nội dung sinh hoạt của tổ cấp dưỡng và tổ văn phòng chưa phong phú, chưa đi vào chiều sâu, các thành viên trong tổ chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi sinh hoạt chuyên môn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tháng 9 năm 2019, Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng, các khối trưởng chuyên môn tiếp tục phát huy hiệu quả, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn; tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, đổi mới đa dạng, phong phú hình thức sinh hoạt các chuyên đề nhằm chia sẻ sáng kiến kinh nghiệm trong hoạt động. Bên cạnh, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng chăm sóc – nuôi dưỡng định hướng các nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn cấp dưỡng, tổ văn phòng phong phú, thiết thực với nội dung công việc,

ngoài ra, tạo điều kiện cho các thành viên trong tổ mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo**

#### **Mức 1**

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.*

#### **Mức 2**

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

#### **Mức 3**

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Năm học 2020-2021, trường mẫu giáo Bông Sen 1 có số trẻ, số lớp được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại điều lệ trường mầm non, gồm có 09 lớp mẫu giáo, trong đó có: 03 lớp 3 - 4 tuổi, 03 lớp 4 - 5 tuổi và 03 lớp 5 - 6 tuổi [H1-1.5-01].

Trẻ được phân chia vào các lớp theo độ tuổi đúng quy định, cụ thể như sau: Trẻ từ 3-4 tuổi có 03 lớp, trẻ 4-5 tuổi có 03 lớp, trẻ và trẻ 5-6 tuổi có 03 lớp.

b) Trường có tổ chức học bán trú cho tất cả học sinh đang học và số trẻ học bán trú luôn đạt tỷ lệ 100% [H1-1.5-01].

c) Nhà trường đã quán triệt về công tác giáo dục hòa nhập, triển khai kế hoạch ngay từ đầu năm học đến đội ngũ, bên cạnh, tạo điều cho đội ngũ giáo viên tham dự các lớp tập huấn về công tác giáo dục hòa nhập và phát hiện sớm, nhằm giúp giáo viên tăng cường kỹ năng quan sát và phát hiện sớm những đặc điểm về tật của trẻ [H1-1.5-02].

#### **Mức 2**

Tính đến thời điểm tự đánh giá, toàn trường có tổng số 190 trẻ, số trẻ lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi, cụ thể có: 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi (35 trẻ), 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi (67 trẻ), 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi (88 trẻ) [H1-1.5-01]. Tuy nhiên số trẻ 3-4 tuổi còn ít.

### **Mức 3**

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 09 lớp, được phân chia đúng độ tuổi, theo quy định của Điều lệ Trường Mầm non [H1-1.5-01], gồm: 03 lớp mẫu giáo 3-4 tuổi; 03 lớp mẫu giáo 4-5 tuổi, 03 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi.

### **2. Điểm mạnh**

Các lớp mẫu giáo được phân chia đúng độ tuổi, theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. 100% trẻ được tổ chức học bán trú, được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và được bảo đảm quyền lợi theo quy định. Số trẻ trong lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

### **3. Điểm yếu**

Số trẻ 3-4 tuổi còn ít

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì tổ chức các lớp học và số trẻ trong một nhóm, lớp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng sẽ nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, đề xuất kinh phí sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị để đáp ứng đủ điều kiện tổ chức lớp học cho trẻ.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### **Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

##### **Mức 1**

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

##### **Mức 2**

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

##### **Mức 3**

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ khoa học theo Thông tư 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ về Quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức [H1-1.6-01]. Hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.4-10], tài sản [H1-1.4-04] được lưu trữ theo nguồn thu theo năm tài chính tại phòng hành chính do nhân viên phụ trách kế toán quản lý. Hồ sơ nhân sự được quản lý theo Quyết định 06/2007/QĐ-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ được sắp xếp vào từng bìa hồ sơ riêng của mỗi cá nhân tại phòng Hành chính [H1-1.4-01]; Hồ sơ y tế được sắp xếp khoa học và được lưu trữ tại phòng y tế. Hồ sơ bồi dưỡng chuyên môn [H1-1.6-03], hồ sơ kiểm tra chuyên đề [H1-1.4-09], hồ sơ kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo [H1-1.4-11] được sắp xếp theo thứ tự các đợt kiểm tra để trong các bìa hồ sơ lưu trữ tại phòng Phó Hiệu trưởng.

b) Nhằm đảm bảo cân đối kinh phí hoạt động, mỗi đầu năm học, Hiệu trưởng lập dự toán kinh phí được giao từ ngân sách nhà nước và các khoản thu sự nghiệp được Phòng Tài chính phê duyệt [H1-1.4-10]. Các nhóm, lớp và các bộ phận có sổ quản lý tài sản và thực hiện kiểm kê vào đầu, giữa và cuối năm học [H1-1.4-04]. Kế toán tổng hợp kiểm kê tài sản trong toàn trường, báo cáo về Phòng Tài chính - Kế hoạch [H1-1.4-10]. Công khai với Cha mẹ học sinh về các khoản thu đầu năm, các khoản thu tiền ăn của trẻ hàng ngày trên bảng công khai tài chính và thông qua cổng thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-03]. Bên cạnh, nhà trường cũng tổ chức các buổi họp cha mẹ học sinh để lấy ý kiến về các khoản thu đầu năm và các khoản vận động đóng góp kinh phí hoạt động của Ban Đại diện Cha mẹ học sinh [H1-1.6-04]. Hiệu trưởng đã thực hiện việc kiểm tra bộ phận kế toán định kỳ theo kế hoạch kiểm tra nội bộ và đột xuất [H1-1.4-11], xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, công khai, công bằng, minh bạch, hiệu quả [H1-1.6-05]. Tổ chức lấy ý kiến đóng góp và thống nhất trong Hội nghị cán bộ công chức để tăng cường quyền giám sát của các cá nhân, tổ chức trong đơn vị đối với công tác quản lý tài chính và đảm bảo tiết kiệm chi [H1-1.6-06].

c) Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc - giáo dục theo đúng quy định hiện hành của Bộ tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.4-04]; [H1-1.4-10]. Các nhóm, lớp và các bộ phận đều có sổ quản lý tài sản, thực hiện kiểm kê vào đầu, giữa và cuối năm học [H1-1.4-04]. Thực hiện thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm

kê đúng thời gian quy định [H1-1.4-10]. Hằng năm, trường có xây dựng kế hoạch tăng cường quản lý mua sắm tài sản, bảo quản cơ sở vật chất, trang bị, bổ sung các đồ dùng đồ chơi theo danh mục Thông tư 02 và đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định [H1-1.4-04].

## **Mức 2**

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: Kế toán hành chính sự nghiệp IMAS, quản lý tài sản nhà nước, hệ thống thông tin quản lý nhân sự PMIS, hóa đơn tự in FOS, Hệ thống thông tin quản lý giáo dục mầm non - PMS - Phần mềm quản lý dinh dưỡng [H1-1.6-07].

Trong 5 năm liên tiếp, tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm [H1-1.4-04]; [H1-1.4-10].

## **Mức 3**

Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, do đó vào tháng 11 hàng năm nhà trường xây dựng dự toán chi cho năm sau trình Phòng Tài chính Quận 1 và được phê duyệt cấp dự toán trên tình hình thu chi thực tế của đơn vị [H1-1.4-10]. Trường thuộc hệ công lập nên chỉ được phép thu thêm các khoản thu khác phục vụ cho học sinh, hoạt động nhà trường theo văn bản chỉ đạo của cấp trên, trường cân đối thu chi trên nguồn kinh phí dự toán cấp với nguồn thu tại đơn vị để đảm bảo đời sống con người, hoạt động nhà trường, không để bội chi. Ngoài hai nguồn kinh phí trên, trường không có điều kiện cơ sở vật chất cũng như nhân lực để tạo nguồn tài chính hợp pháp khác cho đơn vị. Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

## **2. Điểm mạnh**

Trường lưu trữ đầy đủ các báo cáo tài chính, thực hiện kịp thời các chế độ cho các bộ, giáo viên và nhân viên. Hồ sơ, văn bản được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì và thực hiện tốt công tác tài chính, theo đúng quy định của phòng tài chính. Kế toán tham mưu với Hiệu trưởng xây dựng

kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

#### **Mức 1**

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

#### **Mức 2**

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H1-1.6-02]. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng giáo dục, Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, nhân viên các bộ phận dựa trên kế hoạch nhiệm vụ năm học của trường [H1-1.4-03].

b) Đầu năm học Hiệu trưởng ra Quyết định số 18/QĐ-MGBS1, ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc phân công cụ thể cho từng bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên phù hợp với khả năng và sở trường của từng bộ phận chuyên môn, từ đó thúc đẩy các bộ phận thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao, đảm bảo tốt các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-01].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động được đảm bảo các quyền theo quy định của điều lệ trường Mầm non ban hành theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H1-1.6-05]: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.6-02], được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-01], được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ

sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo [H1-1.7-01], được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Hằng năm, nhà trường đều thực hiện tốt công tác khen thưởng đội ngũ cán bộ - giáo viên – công nhân viên đạt lao động tiên tiến [H1-1.2-02], chăm lo vào các dịp lễ, tết và tổ chức tham quan hè đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ đề ra [H1-1.6-05].

## **Mức 2**

Hiệu trưởng phân công nhân sự phù hợp kiến thức, kinh nghiệm, thâm niên, trình độ chuyên môn, chú ý phối hợp trong nhóm hoạt động tốt để phát huy được năng lực của mỗi người [H1-1.4-01]; xây dựng kế hoạch nhiệm vụ của nhà trường căn cứ vào Kế hoạch nhiệm vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo [H1-1.1-01], phối hợp hoạt động các đoàn thể, tổ chức các Lễ hội, hội thi; động viên Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động học thêm các lớp tin học cơ bản, tin học nâng cao, nâng trình độ chuyên môn cao đẳng lên đại học, thạc sĩ, nâng trình độ chính trị từ sơ cấp lên trung cấp, giáo viên tham gia các lớp học thăng hạng chức danh nghề nghiệp để nâng chuẩn, nhân viên văn thư học lớp trung cấp hành chính, Cán bộ quản lý và nhân viên kế toán học các lớp bồi dưỡng chuyên môn nâng cao năng lực quản lý tài chính, cải cách hành chính, đấu thầu, nhân viên cấp dưỡng học tính khẩu phần dinh dưỡng bằng máy tính [H1-1.6-02]. Hằng tháng, nhà trường thực hiện đánh giá hiệu quả công tác của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, qua đó điều chỉnh những hạn chế và phát huy ưu điểm của Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tuy nhiên, một số giáo viên chưa sắp xếp được thời gian cá nhân để tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ.

## **2. Điểm mạnh**

Trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trình độ đào tạo trên chuẩn của Cán bộ quản lý, giáo viên đạt 100%. Trường thực hiện phân công, sử dụng Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, công khai phù hợp năng lực, trình độ của cá nhân. Giáo viên tham gia nhiều lớp học nâng chuẩn, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, tiếng Anh, vi tính và thạc sĩ.

## **3. Điểm yếu**

Một vài giáo viên chưa sắp xếp được thời gian cá nhân để tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ. Nhân viên cấp dưỡng chưa đạt trình độ trung cấp nấu ăn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia lớp học nâng cao trình độ ngoại ngữ dưới hình thức mời giáo viên ngoại ngữ đến dạy tại trường, qua đó, giúp giáo viên đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm. Ngoài ra, Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện giới thiệu đội ngũ cấp dưỡng tham gia lớp học nâng cao trình độ chuyên môn – trung cấp nấu ăn.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

### **Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

#### **Mức 1**

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

#### **Mức 2**

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Hằng năm, nhà trường đều căn cứ trên văn bản triển khai nhiệm vụ năm học của Phòng Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch năm học theo đúng chỉ đạo và phù hợp với điều kiện thực tế của trường [H1-1.1-01]. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu, nội dung giáo dục theo Chương trình Giáo dục Mầm non phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và trường, lớp như: điều kiện về cơ sở vật chất, số lượng trẻ, trình độ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.4-06].

b) Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động của trường theo năm, tháng, tuần [H1-1.1-01]. Từ đó Phó Hiệu trưởng đề ra những biện pháp chỉ đạo thực hiện các mặt công tác về chuyên môn và quản lý trong kế hoạch năm học. Trên cơ sở đó, các bộ phận cụ thể hóa kế hoạch năm học theo chức năng và nhiệm vụ được phân công [H1-1.4-02], kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.4-03], kế hoạch thực hiện các chuyên đề khâu giáo dục và chăm sóc nuôi dưỡng [H1-1.4-09], kế hoạch tổ chức lễ hội [H1-1.4-12], kế hoạch kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo [H1-1.4-11], kế hoạch y tế trường học [H1-1.7-02].

c) Để mọi hoạt động trong nhà trường đạt được theo đúng mục tiêu của kế hoạch đề ra, đồng thời đảm bảo hiệu quả và tiến độ công việc, Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ đối với các bộ phận trong nhà trường [H1-1.4-11]. Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dự giờ, thăm lớp với tính chất công khai trong kế hoạch năm, tháng, tuần dưới hình thức dự giờ có báo trước, dự đột xuất và nhận xét, đánh giá, giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp và kịp thời [H1-1.1-01]; [H1-1.4-13].

Trong những lần họp định kỳ hoặc đột xuất mỗi tháng của Ban giám hiệu đều có sự trao đổi, hội ý để đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các hoạt động chăm sóc giáo dục của các bộ phận để rút kinh nghiệm và thực hiện tốt hơn trong thời gian tới [H1-1.1-02]. Hằng tháng, Hiệu trưởng họp Hội đồng sư phạm kiểm điểm lại các hoạt động trong tháng và lấy ý kiến đóng góp, xây dựng của Hội đồng sư phạm để cải tiến việc quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.1-02]. Tổ chức họp Cha mẹ học sinh các lớp sơ kết học kỳ 1 và sơ kết trong tập thể nhà trường [H1-1.6-04]. Cuối học kỳ I và cuối mỗi năm học, Hiệu trưởng báo cáo tổng kết về kết quả, hiệu quả đạt được so với kế hoạch đề ra theo từng mặt công tác, đánh giá những ưu điểm, tồn tại và rút kinh nghiệm cho năm học tới [H1-1.1-04].

## **Mức 2**

Hiệu trưởng thực hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá hằng tháng đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao [H1-1.1-02]. Một số giáo viên mới lập kế hoạch giáo dục chưa linh hoạt với tình hình thực tế.

### **2. Điểm mạnh**

Trường có kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

### **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên mới lập kế hoạch giáo dục chưa linh hoạt với tình hình thực tế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao hơn và chỉ đạo Phó Hiệu trưởng sâu sát, giúp đỡ những giáo viên còn lúng

túng, gặp khó khăn khi xây dựng và thực hiện kế hoạch chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

**Mức 1**

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

**Mức 2**

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1**

a) Hằng năm, Hiệu trưởng thực hiện xây dựng quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-05], kế hoạch năm học [H1-1.1-01], có phổ biến công khai đến Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thông qua các buổi họp Hội đồng sư phạm [H1-1.1-02], Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.6-06] để mọi người cùng tham gia đóng góp ý kiến trước khi tổ chức thực hiện và ban hành; theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên, trong các buổi họp nhân viên nhà trường chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến xây dựng để mọi người làm việc tốt hơn.

b) Trong các năm học qua, nhà trường không có tình trạng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị xảy ra. Bên cạnh đó, nhà trường có phân công cán bộ quản lý tiếp dân, phụ huynh đầy đủ để giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền của nhà trường [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1.6-06] và thực hiện nghiêm túc công tác thực thi nhiệm vụ, công vụ [H1-1.9-03].

**Mức 2:**

Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ thể hiện qua một số nội dung như: thu chi tài chính, công khai các chế độ chính sách đối với Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, công khai tuyển sinh, nhân sự... [H1-1.6-05]. Các hoạt động của nhà trường thực hiện theo quy chế dân chủ, dưới sự giám sát của Ban Thanh tra nhân dân. Nhà trường tạo mọi điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện tốt, các hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được tiến hành thường xuyên và có báo cáo hằng năm [H1-1.9-02]. Tuy nhiên, các hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân chưa chủ động trong công tác giám sát về thực hiện công tác công khai.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Trong những năm học qua trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

## **3. Điểm yếu**

Ban Thanh tra nhân dân làm công tác kiêm nhiệm nên còn hạn chế về thời gian để chủ động nghiên cứu tài liệu và thực hiện kế hoạch giám sát theo đúng tiến độ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì và thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường. Kịp thời nắm bắt và điều chỉnh phù hợp tâm tư nguyện vọng của đội ngũ. Hiệu Trưởng và Ban Chấp hành Công đoàn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Thanh tra nhân dân về thời gian cũng như tham gia các lớp học tập bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực công tác, phát huy tốt vai trò giám sát được giao.

**Tự đánh giá:** Đạt Mức 3.

### **Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

#### **Mức 1**

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

## **Mức 2**

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Hiệu trưởng có xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự trong nhà trường, thực hiện phân công ca trực bảo vệ và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên [H1-1.10-01]. Bên cạnh đó, vào mỗi đầu năm học trường có phối hợp cùng Công an xã Trung Chánh xây dựng “Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại trường học” [H1-1.10-01]. Ngoài ra, trường có xây dựng các phương án khác như: Phương án phòng chống tai nạn thương tích và có bồi dưỡng cho toàn trường về nội dung phòng tránh tai nạn thương tích trong trường Mầm non [H1-1.10-01]; [H1-1.4-07], Kế hoạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Kế hoạch phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-02]; Phương án phòng chống cháy, nổ [H1-1.10-01], đồng thời nhà trường có liên hệ với cảnh sát Phòng cháy chữa cháy phụ trách địa bàn trường đến tập huấn công tác Phòng cháy chữa cháy cho đội ngũ [H1-1.10-01]; [H1-1.4-07]. Ngoài ra, để đảm bảo an toàn về vệ sinh thực phẩm, nhà trường đã thực hiện hợp đồng trách nhiệm đầy đủ, hợp lệ với các công ty cung cấp các mặt hàng thực phẩm phục vụ công tác nấu ăn cho học sinh và cho các cô tại trường [H1-1.10-02]. Trường có tổ chức bếp ăn bán trú và được Ban Quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố cấp giấy Chứng nhận bếp ăn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định [H1-1.10-02].

b) Trường có hộp thư góp ý, có thể hiện đầy đủ các thông tin như: Số điện thoại trường, số điện thoại Hiệu trưởng, số điện thoại đường dây nóng và lịch tiếp công dân của Cán bộ quản lý đặt ở khu vực dễ nhìn thấy để trao đổi và liên hệ khi có việc cần [H1-1.4-07]. Có sổ tiếp công dân để ghi nhận và xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của Cha mẹ học sinh, người dân [H1-1.9-01]. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị,

nhà trường đã tổ chức cho cán bộ, giáo viên nhân viên được tham gia diễn tập phòng cháy chữa cháy. Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, nhân viên xử trí một số trường hợp tai nạn như: bỏng, đuối nước, điện giật, té ngã gây tai nạn [H1-1.4-07]; đăng ký cho nhân viên bảo vệ được tập huấn về công tác bảo vệ, công tác phòng cháy chữa cháy để nâng cao nghiệp vụ trong công tác đảm bảo thực hiện tốt việc đảm bảo an toàn về vật chất, lẫn tinh thần cho học sinh cũng như Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường [H1-1.10-01].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong nhà trường có tinh thần đoàn kết nội bộ thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-03].

## **Mức 2**

a) Hằng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án bảo đảm an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy nổ; An toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng chống bạo lực trong nhà trường cụ thể như: Tổ chức tập huấn cho giáo viên, tuyên truyền đến cha mẹ học sinh thông qua giờ đón - trả trẻ, họp Cha mẹ học sinh; bảng tin trường, lớp hoặc qua các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, quy tắc 5 ngón tay để trẻ biết tự bảo vệ mình... [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.7-02]; [H1-1.4-09].

b) Trường tổ chức cho giáo viên, nhân viên thực hiện ký kết đảm bảo an toàn cho trẻ [H1-1.10-01]. Giáo viên đón và trả trẻ trực tiếp cho phụ huynh học sinh, không trả trẻ cho người lạ. Phối hợp với Công an xã Trung Chánh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01] và thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự, không xảy ra hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Trong năm học 2019-2020, tình hình an ninh trật tự của trường luôn bảo đảm, không có tệ nạn xã hội, mất trật tự, mất an ninh xảy ra [H1-1.10-01]. Tuy nhiên, ý thức phòng chống các tai nạn, thương tích của học sinh còn hạn chế.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống dịch bệnh. Thực hiện nghiêm túc lịch tiếp dân để phối hợp tốt với ban ngành địa phương, cha mẹ học sinh trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ.

Trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ và bếp ăn được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn

thực phẩm. Trong các năm học qua, trường đảm bảo tốt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn vệ sinh thực phẩm, tai nạn thương tích cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường.

### **3. Điểm yếu**

Ý thức phòng chống các tai nạn, thương tích của học sinh còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng chỉ đạo Phó Hiệu trưởng tích cực tăng cường các nội dung về phòng chống tai nạn thương tích vào tổ chức giờ học, hội thảo chuyên đề. Bên cạnh, phân công Phó Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra cơ sở vật chất, trang thiết bị theo kế hoạch, thực hiện tốt khâu chăm sóc đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, tham mưu và phối hợp tốt với các cơ quan chức năng, ký kết đầy đủ hồ sơ an ninh trật tự với chính quyền địa phương.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường có đầy đủ các phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

Cán bộ quản lý nhà trường làm tốt chức trách và nhiệm vụ được giao. Quản lý toàn bộ hoạt động của nhà trường đúng theo kế hoạch và theo sự chỉ đạo các cấp.

Trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non, đầy đủ số lượng, đúng thành phần, các đoàn thể có trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức điều hành có hiệu quả.

Nhà trường nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của chính quyền địa phương, thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động.

Trường có kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường, kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

Thực hiện tốt chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, công tác quản lý tài chính, tài sản có công khai đầy đủ, đúng quy định.

Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh.

### **Điểm yếu cơ bản**

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường khi xây dựng chưa có sự tham gia của cộng đồng.

Hội đồng khoa học còn vài thành viên chưa có nhiều kỹ năng tư vấn, đánh giá hiệu quả của sáng kiến còn chung chung.

Cách trình bày nội dung hợp trong sổ hợp Công đoàn, Chi đoàn chưa cụ thể. Công tác phát triển đảng viên ở các năm 2014, 2016, 2017 còn hạn chế.

Nội dung sinh hoạt của tổ cấp dưỡng và tổ văn phòng chưa phong phú. Nội dung sinh hoạt tổ Chuyên môn chưa đi vào chiều sâu, các thành viên trong tổ chưa mạnh dạn góp ý, thảo luận.

Trường chưa có đủ điều kiện để tổ chức lớp học dành cho trẻ từ 6 tháng đến 23 tháng tuổi.

Trường chưa có xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

Một vài giáo viên chưa sắp xếp được thời gian cá nhân để tham gia các lớp học bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ. Nhân viên cấp dưỡng chưa đạt trình độ trung cấp nấu ăn.

Một số giáo viên mới lập kế hoạch chưa linh hoạt với tình hình thực tế.

Ban Thanh tra nhân dân làm công tác kiêm nhiệm nên không đủ thời gian để chủ động nghiên cứu tài liệu và thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ.

Ý thức phòng chống các tai nạn, thương tích của học sinh còn hạn chế.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.**

### **Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

#### **Mở đầu**

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có thời gian công tác trong ngành giáo dục nhiều năm, có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, nắm vững chương trình giáo dục mầm non, có năng lực quản lý tổ chức các hoạt động nhà trường đạt hiệu quả, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn trở lên, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ,

tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào việc soạn giảng, có năng lực tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhân viên của trường có trình độ đào tạo theo quy định, có tinh thần trách nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ chế độ chính sách và mọi quyền lợi cho giáo viên, nhân viên, động viên tinh thần phấn đấu của đội ngũ, tạo điều kiện cho đội ngũ an tâm thực hiện tốt công tác.

### **Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng**

#### **Mức 1**

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

#### **Mức 2**

- a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

#### **Mức 3**

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường là những người đã từng làm việc lâu năm trong ngành giáo dục. Thâm niên công tác trong ngành của Hiệu trưởng là 23 năm (từ 1997 – 2020), Phó Hiệu trưởng phụ trách giáo dục là 22 năm (từ 1998- 2020) và Phó Hiệu trưởng phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng là 13 năm (từ 2007 - 2020). Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non và đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý và hoàn thành lớp trung cấp chính trị đạt 03/03 - tỷ lệ 100% [H1-1.4-01], đều có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và có đủ sức khỏe [H1-1.7-01].

b) Hằng năm, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng nhà trường được tập thể tham gia đóng góp ý kiến theo chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non đúng quy định [H1-1.3-07], có sự tham gia đóng góp ý kiến và xếp loại của cấp trên. Kết quả: Xếp loại xuất sắc 03/03 - tỷ lệ 100% [H1-1.4-01].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý giáo dục [H1-1.4-01], bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.4-03], Trung cấp chính trị [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng đã hoàn tất lớp quản lý hành chính nhà nước theo quy định [H1-1.4-01] và đang theo học lớp nâng chuẩn chuyên môn nghiệp vụ sau đại học [H1-1.4-01]. Năm học 2018 - 2019, trường có 03 Cán bộ quản lý (Hiệu trưởng - 02 Phó Hiệu trưởng Giáo dục) tham gia lớp bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng II [H1-1.4-01]. Ngoài ra, hằng năm, đội ngũ Cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định [H1-1.3-05].

## **Mức 2**

a) Từ năm học 2014 – 2015 liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đánh giá đúng theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non. Kết quả 03/03 Cán bộ quản lý đạt loại xuất sắc (Tỷ lệ 100%) [H1-1.4-01].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị; Tham gia các lớp bồi dưỡng chính trị hè [H1-1.3-05], lớp an ninh quốc phòng [H1-1.4-01], phòng chống tham nhũng, tham gia các buổi tập huấn về Nghị quyết của Đảng ủy phường Bến Thành tổ chức [H1-1.3-05]. Cán bộ quản lý chủ động tự học, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phát triển toàn diện trẻ em [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng định hướng hoạt động cho các năm học được Cha mẹ học sinh đồng thuận và hưởng ứng [H1-1.6-04]; được sự tín nhiệm cao của giáo viên, nhân viên trong trường [H1-1.3-06], có uy tín cao với nhân dân và ban ngành tại địa phương; các Phó Hiệu trưởng tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dạy trẻ phát triển năng lực cho học sinh được giáo viên tín nhiệm và nghiêm túc thực hiện các kế hoạch đề ra.

## **Mức 3**

Từ năm học 2014 – 2015 đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá xếp loại xuất sắc 03/03 (Tỷ lệ 100%) theo quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non [H1-1.4-01].

## **2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý của nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có năng lực chuyên môn, được Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, tập thể cán bộ - giáo viên - nhân viên nhà trường, chính quyền địa phương tin tưởng, tín nhiệm. Có phẩm chất đạo đức, tác phong tốt, lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tinh thần

trách nhiệm cao tâm huyết với nghề, luôn sáng tạo và đổi mới trong công tác quản lý, luôn được giáo viên, nhân viên, người lao động và Cha mẹ học sinh tín nhiệm.

### **3. Điểm yếu**

Hiện tại, Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng chưa tham gia lớp học sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 - 2020, cán bộ quản lý tiếp tục học tập để nâng cao năng lực quản lý và tạo sự tín nhiệm trong đội ngũ sư phạm nhà trường. Kế hoạch đến cuối năm 2020 Hiệu trưởng tham gia lớp Cao học.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.**

#### **Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên**

##### **Mức 1**

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

##### **Mức 2**

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

##### **Mức 3**

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn

*nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Năm học 2019 – 2020, trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, có 17 giáo viên phụ trách 09 nhóm lớp [H1-1.4-01].

b) 17/17 giáo viên của trường đạt trình độ theo quy định: Về trình độ chuyên môn: Đại học sư phạm mầm non (12/17 giáo viên), trình độ Cao đẳng (05/17 giáo viên). Về trình độ tin học: tin học cơ bản (03/17 giáo viên), trình độ B (02/17 giáo viên), vi tính nâng cao (15/17 giáo viên). Về ngoại ngữ (Anh): trình độ A (01/17 giáo viên), trình độ B (06/17 giáo viên), trình độ B1 (02/217 giáo viên) [H2-2.2-01]; [H1-1.4-01].

c) Trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, không có giáo viên xếp loại trung bình, yếu kém [H1-1.4-01]. Tuy nhiên, một số giáo viên mới chưa linh hoạt và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

### **Mức 2**

a) Từ năm học 2014 - 2015 đến thời điểm tự đánh giá có 100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn được đào tạo trở lên. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. Hiện nay có 12/17 giáo viên có trình độ Đại học; 05/17 giáo viên có trình độ Cao đẳng; [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, giáo viên nhà trường được đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-01]. Cụ thể như sau:

- Năm học 2014 - 2015: có 06/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 35%; có 11/17 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 65%.

- Năm học 2015 - 2016: có 09/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 53%; có 08/17 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 47%.

- Năm học 2016 - 2017: có 11/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 64,7%; có 06/17 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 35,3%.

- Năm học 2017 - 2018: có 11/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 68,75%; có 05/16 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 31,25%.

- Năm học 2018 - 2019: có 04/17 giáo viên xếp loại tốt - đạt tỷ lệ 25%; có 08/16 giáo

viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 50% và có 04/16 giáo viên xếp loại đạt - đạt tỷ lệ 25%.

c) Giáo viên thực hiện tốt nội quy, quy định và quy chế chuyên môn tại đơn vị. Trong 05 năm qua tính đến thời điểm tự đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.4-01].

### **Mức 3**

a) Năm học 2019 - 2020, 17/17 giáo viên đạt trên chuẩn đào tạo (đạt tỷ lệ 100%) [H1-1.4-01].

b) Hằng năm, 100% giáo viên được đánh giá, xếp loại theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-01]. Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019 tỷ lệ xếp loại như sau:

- Năm học 2014 - 2015: có 06/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 35%; có 11/17 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 65%.

- Năm học 2015 - 2016: có 09/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 53%; có 08/17 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 47%.

- Năm học 2016 - 2017: có 11/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 64,7%; có 06/17 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 35,3%.

- Năm học 2017 - 2018: có 11/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 68,75%; và có 05/16 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 31,25%.

- Năm học 2018 - 2019: có 11/17 giáo viên xếp loại xuất sắc - đạt tỷ lệ 68,75%; và có 05/16 giáo viên được xếp loại khá - đạt tỷ lệ 31,25%.

### **2. Điểm mạnh**

Trường có đủ số lượng giáo viên và đáp ứng được các yêu cầu công việc, 100% đạt trình độ trên chuẩn đào tạo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% số lượng giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Đội ngũ giáo viên vững vàng về chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, năng nổ trong công tác, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin.

### **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên mới chưa linh hoạt và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020 Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn tiếp tục bồi dưỡng về năng lực quản lý nhóm lớp cho giáo viên mới.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3**

### **Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên**

#### **Mức 1**

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

#### **Mức 2**

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

#### **Mức 3**

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Thực hiện theo Đề án vị trí việc làm theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Nhà trường có đủ số lượng nhân viên đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng phân công giáo viên kiêm nhiệm Ban chấp hành Công đoàn, Ban chấp hành Chi đoàn, Ban chấp hành Hội khuyến học, Ban chấp hành Hội chữ thập đỏ, Ban thanh tra nhân dân. Ngoài ra, có một vài nhân viên tham gia một số công tác kiêm nhiệm như: 01 nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác kế toán; 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ; 01 nhân viên nuôi dưỡng kiêm nhiệm công tác bán trú [H1-1.4-01].

b) Nhân viên các bộ phận được Hiệu trưởng phân công thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng quy định tại điều 36 của Điều lệ trường mầm non, theo năng lực cá nhân, trình độ chuyên môn và tình hình thực tế công việc của trường, tạo sự nhịp nhàng trong quá trình hoạt động chung của nhà trường [H1-1.4-01].

c) Hằng năm, 100% đội ngũ nhân viên trường được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-06].

#### **Mức 2**

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư liên tịch số

06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, bao gồm 15 người: 01 nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác kế toán; 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm công tác thủ quỹ; 04 nhân viên cấp dưỡng; 05 nhân viên nuôi dưỡng (Trong đó, có 01 nhân viên nuôi dưỡng kiêm nhiệm công tác bán trú); 02 nhân viên phục vụ; 02 nhân viên bảo vệ [H1-1.4-01].

b) Đội ngũ nhân viên có tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong 05 năm qua trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-06].

### **Mức 3**

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác kế toán có bằng Cao đẳng công nghệ thông tin, Cao đẳng kinh tế - chuyên ngành kế toán kiểm toán và chứng chỉ kế toán trưởng; nhân viên y tế có bằng Trung cấp dược; 05/05 nhân viên cấp dưỡng có bằng sơ cấp nấu ăn; 01/04 nhân viên nuôi dưỡng đang theo học lớp trung cấp nấu ăn (Tháng 4/2020 thi tốt nghiệp); 01/02 nhân viên phục vụ có bằng sơ cấp nấu ăn; 01/02 nhân viên bảo vệ có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ [H1-1.4-01]. Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01]. Tuy nhiên, nhân viên y tế chưa đạt trình độ chuyên môn đúng theo vị trí việc làm phải là trung cấp y sĩ.

b) Hằng năm, các nhân viên trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công [H1-1.6-02].

### **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ nhân viên nhà trường năng động, có trách nhiệm, biết sử dụng công nghệ thông tin, có trình độ ngoại ngữ phù hợp, hoạt động nề nếp đáp ứng yêu cầu công việc và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

### **3. Điểm yếu**

01/02 nhân viên bảo vệ chưa qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ, 05/05 nhân viên cấp dưỡng chỉ có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn chưa có bằng trung cấp. Nhân viên y tế chưa đạt trình độ chuyên môn đúng theo vị trí việc làm phải là trung cấp y sĩ.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì nề nếp và động viên tinh thần làm việc nhiệt tình, tự học của đội ngũ nhân viên, thực hiện tốt công tác chăm lo kịp thời các chế độ lương, phụ cấp, nguồn kinh phí hỗ trợ và động viên nhân viên cấp dưỡng tham gia học các lớp bồi dưỡng chuyên môn theo đúng nhiệm vụ được giao. Hiệu trưởng khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho nhân viên y tế đăng ký học lớp trung cấp y sĩ và nhân viên bảo vệ hoàn thành lớp nghiệp vụ bảo vệ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng và đạt trình độ đào tạo theo quy định, tâm huyết với nghề có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ. 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo, có tinh thần học tập nâng cao trình độ chuyên môn, 100% giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy, đem lại hiệu quả cao trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ.

100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn theo yêu cầu và 60% nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Hiện tại, Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng chưa tham gia lớp học sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Một số giáo viên mới chưa linh hoạt và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

01/02 nhân viên bảo vệ chưa qua lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ, 02/02 nhân viên cấp dưỡng chỉ có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn chưa có bằng trung cấp. Nhân viên y tế chưa đạt trình độ chuyên môn đúng theo vị trí việc làm phải là trung cấp y sĩ.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03**

### **Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

#### **Mở đầu**

Nhà trường có tổng diện tích đất xây dựng là 706.10 m<sup>2</sup>, khuôn viên trường có tường rào bao quanh. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố cơ sở 1 và cơ sở 3 được tiếp nhận từ dân, cơ sở 2 được tiếp nhận từ giáo xứ Trung Mỹ Tây. Trường, lớp sạch sẽ thoáng mát, có đủ ánh sáng, bàn ghế phù hợp lứa tuổi và được trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi. Đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ.

### **Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn**

#### **Mức 1:**

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ; c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

#### **Mức 2:**

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

44

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

#### **Mức 3:**

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

a) Năm 1996, Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 được xây mới theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 1996 của Ủy Ban nhân dân huyện Hóc Môn về việc thành lập Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 với tổng diện tích khu đất xây dựng công trình: 706.1m<sup>2</sup>, các công trình của nhà trường có 3 cơ sở, có các phòng học bình quân 30m<sup>2</sup>. [H3-3.1-01]. Khu vực trẻ chơi được lát gạch, đảm bảo an toàn, màu sắc đẹp, phù hợp với trẻ. Tuy nhiên, trường nhỏ, sân chơi hẹp và cơ sở 1 không có sân chơi nên không có góc chơi cát nước, các công trình khám phá dành cho trẻ học tập và vui chơi.

b) Trường có 3 cơ sở, có 3 biển tên trường theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non. Khuôn viên có tường bao quanh; đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].

c) Trường có 02 sân chơi tại cơ sở 2 và cơ sở 3 được quy hoạch, thuận tiện cho trẻ vui chơi. Các sân chơi tuy không có cây xanh và sân rộng nhưng thoáng mát [H3-3.1-03]. 6/9 lớp có hiên chơi với diện tích trung bình 1.19 m<sup>2</sup>/trẻ, chiều rộng 2,5 m đến 3,0 m. [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03].

#### **Mức 2:**

a) Diện tích khu đất xây dựng công trình 706.1m<sup>2</sup> chưa đảm bảo đạt theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-02].

b) Khuôn viên nhà trường có tường bao ngăn cách với bên ngoài, 02 điểm trường có sân chơi. Tuy nhiên còn 01 điểm chính không có sân chơi; Các điểm không có nhiều cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ chơi. Khu vực trẻ chơi chưa đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định đáp ứng đúng theo từng lứa tuổi [H1-1.4-04]; [H3-3.1-03].

### **Mức 3**

Sân vườn không có đầy đủ các loại thiết bị và đồ chơi theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H3-3.1-03], vì thế ít nhiều cũng làm hạn chế các hoạt động ngoài trời, hoạt động tổ chức lễ hội cho trẻ.

### **2. Điểm mạnh**

Trường có biển tên trường, phòng lớp được lát gạch men sạch sẽ, an toàn.

### **3. Điểm yếu**

Diện tích không đảm bảo theo quy định, phòng lớp không đúng tiêu chuẩn quy định Điều lệ trường Mầm non, trường không có cây xanh to, điểm chính không có sân chơi. Đồ dùng đồ chơi ngoài trời không đủ theo yêu cầu.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tích cực tuyên truyền, và làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo để xây dựng trường Mẫu giáo Bông Sen 1 đạt tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường Mầm non.

### **5. Tự đánh giá: Không đạt.**

## **Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập**

### **Mức 1:**

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi.

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

### **Mức 2:**

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

### **Mức 3:**

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc. **1.**

## **Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1:**

a) Trường có tất cả 09 phòng học tương đương với 09 lớp gồm: 09 lớp mẫu giáo, trong đó có 03 lớp 3-4 tuổi, 03 lớp 4-5 tuổi và 03 lớp 5-6 tuổi [H3-3.1-02]; [H3-3.2-01]. b) Nhà trường sử dụng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ của trẻ: 30 m<sup>2</sup>/lớp (bình quân 0,95 m<sup>2</sup>/trẻ), có đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ [H1-1.4-04]. Tuy nhiên, trường không có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động giáo dục nghệ thuật.

c) Tất cả các lớp và khối phòng đều có đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt; có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đảm bảo tốt cho trẻ hoạt động [H3-3.2-01]. **Mức 2:**

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, diện tích chưa đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu được đảm bảo đủ cho giáo viên và học sinh sử dụng đúng theo quy định, được sắp xếp gọn gàng, hợp lý, an toàn, thuận tiện [H3-3.2-01].

### **Mức 3:**

Trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt, hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

## **3. Điểm yếu**

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, diện tích chưa đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; chưa có phòng chức năng để tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ, thể chất, âm nhạc và tin học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, đầu tư sửa chữa, tham mưu với các cấp lãnh đạo xây dựng mới tập trung trường 1 điểm có đủ các phòng chức năng nhằm đáp ứng nhu cầu của cha mẹ học sinh.

## **5. Tự đánh giá: Không đạt.**

### **Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị**

#### **Mức 1:**

a) Có các loại phòng theo quy định.

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng.

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

#### **Mức 2:**

a) Đảm bảo diện tích theo quy định.

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

#### **Mức 3:**

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Nhà trường không có đủ các phòng theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục gồm: Hội trường (phòng đa chức năng), phòng Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, phòng nghỉ của nhân viên, phòng Bảo vệ [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03]; [H3-3.3-01].

Phòng Y tế có diện tích 12 m<sup>2</sup> được đặt tại tầng 1, ghép chung với phòng hành chính quản trị có các thiết bị y tế, đồ dùng theo dõi sức khỏe trẻ, có tranh ảnh, bảng biểu tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ và có đầy đủ các kế hoạch, sổ sách theo dõi theo yêu cầu của y tế [H3-3.3-01];

### **Mức 2:**

a) Trường không có các phòng và không đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-02].

b) Trường không có khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên.

### **Mức 3:**

Nhà trường không có đủ các phòng để đảm bảo cho hoạt động học của trẻ, không đảm bảo đủ theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế của trường mầm non.

## **2. Điểm mạnh**

Các phòng đều có trang thiết bị tối thiểu để làm việc phương tiện, trang thiết bị để phục vụ cho công tác chuyên môn.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường không có đủ các phòng để đảm bảo cho hoạt động học của trẻ, không đảm bảo đủ theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế của trường mầm non. Trường không có khu để xe cho khách và cha mẹ học sinh.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch sửa chữa và tham mưu với các cấp lãnh đạo xây trường mới khang trang hơn.

## **5. Tự đánh giá: Không đạt.**

### **Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn**

#### **Mức 1:**

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố.
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

#### **Mức 2:**

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

#### **Mức 3:**

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. 1.*

## **Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1:**

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố được đặt tại phân hiệu 2, có diện tích 30 m<sup>2</sup> trung bình 0,18 m<sup>2</sup>/trẻ, có 02 cửa ra vào, 01 cửa sổ lớn, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều [H3-3.4-01].

b) Nhà trường đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10- 05], tuy nhiên, trường không có kho thực phẩm.

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hằng ngày đạt theo quy định [H3-3.4 -01].

### **Mức 2:**

Bếp ăn của trường được thiết kế theo quy trình bếp một chiều từ khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu rửa, khu xắt thái, khu chế biến, khu lưu mẫu, khu chia thức ăn, có đầy đủ đồ dùng bằng inox như: xe đẩy, tủ hấp cơm, ... được sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện có đầy đủ các bảng biểu phục vụ hoạt động bếp ăn có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm cho trẻ [H3-3.4-01], đủ nước sử dụng và được xét nghiệm đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.4- 02]. Tuy nhiên, trường chưa trang bị đủ các thiết bị hiện đại như máy sấy chén, máy xắt rau củ.

### **Mức 3:**

Bếp ăn đảm bảo theo tiêu chuẩn bếp một chiều, thông thoáng, đủ ánh sáng. Tường, trần nhà, sàn nhà bằng phẳng thuận tiện cho việc vệ sinh và khử trùng. Đồ dùng, dụng cụ được làm bằng inox dễ vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại. Bếp ăn có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Có tủ lạnh để lưu thức ăn [H3-3.4-01]. Đảm bảo có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng [H3-3.4-02]. Tuy nhiên chưa có hệ thống máy nước nóng và chưa có đèn diệt côn trùng.

## **2. Điểm mạnh**

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng kiên cố, đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường; có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có đầy đủ các phương tiện bảo quản thực phẩm, hệ thống cung cấp nước sạch và có chỗ rửa tay với xà phòng hợp vệ sinh; Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác thải.

## **3. Điểm yếu**

Trường không có kho thực phẩm.

Chưa trang bị đủ các thiết bị hiện đại như máy sấy chén, máy xắt rau củ. Chưa có hệ thống máy nước nóng và đèn diệt côn trùng.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dự toán xin kinh phí cho đầu năm; lắp đặt máy nước nóng và gắn đèn diệt côn trùng để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác.

## **5. Tự đánh giá: Không đạt.**

### **Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi**

**Mức 1:**

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

**Mức 2:**

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.
- c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

**Mức 3:**

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**1. Mô tả hiện trạng****Mức 1:**

- a) Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo danh mục, đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 Ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H1-1.4-04].
- b) Hằng năm, trường còn trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học ngoài danh mục quy định [H3-3.5-01]. Ngoài ra, nhà trường thường xuyên phát động các phong trào, hội thi làm đồ dùng, đồ chơi trong đội ngũ giáo viên. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ [H3-3.5-02]; [H1-1.8-02].
- c) Hằng năm, nhà trường đều có kiểm tra, bổ sung các trang thiết bị cần thiết cho các lớp, giải quyết các yêu cầu đề xuất hợp lý của giáo viên tùy tình hình cấp thiết và kinh phí. Có sổ theo dõi cấp phát, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi hằng năm [H1-1.4-04]. Có kế hoạch bảo quản, sửa chữa, thay thế, bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, đồ chơi tập thể [H3-3.5-01].

**Mức 2:**

- a) Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và các hoạt động dạy học [H1-1.10-06]. Tuy nhiên, hệ thống kết nối Internet đôi lúc rất yếu, nên hay bị rớt mạng và chưa trang bị đủ máy tính cho các lớp.

- b) Nhà trường chưa trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ trường Mầm non [H1-1.4-04]; [H3-3.5-01].

- c) Hằng năm nhà trường bổ sung thêm: Các thiết bị dạy học mở rộng do giáo viên tự làm như các đồ chơi phát triển vận động, các đồ chơi học tập, mô hình kể chuyện ...[H3-3.5-02]

**Mức 3:**

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và các thiết bị ngoài danh mục quy định của nhà trường được giáo viên khai thác, sử dụng thường xuyên đạt được hiệu quả trong công tác giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-04]. Tuy nhiên, có một số kệ đã được sử dụng nhiều năm nên đã hư, cũ.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã trang bị bổ sung một số đồ dùng, đồ chơi theo quy định, đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng - chăm sóc và giáo dục trẻ, 100% hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học và được kiểm kê, sửa chữa, bổ sung hằng năm.

Nhà trường thường xuyên phát động các hội thi, phong trào làm đồ dùng, đồ chơi trong đội ngũ giáo viên; các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ, được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. **3. Điểm yếu**

Hệ thống hệ thống kết nối Internet đôi lúc rất yếu, nên hay bị rớt mạng và chưa trang bị đủ máy tính cho các lớp làm ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác quản lý và giảng dạy.

Một số kệ góc chơi đã sử dụng nhiều năm nên đã hư cũ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đồng thời phân công nhân viên kế toán tích cực lựa chọn các nhà mạng uy tín, có chất lượng để ký hợp đồng sử dụng Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học đạt hiệu quả cao hơn. Đề xuất trang bị máy vi tính (mua sắm tập trung), kệ đồ chơi mới theo nguồn ngân sách của nhà nước.

## **5. Tự đánh giá: Không đạt.**

### **Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước**

#### **Mức 1:**

- a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật. b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ.
- c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

#### **Mức 2:**

- a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định. b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1:**

a) Trường có 01/9 lớp tại phân hiệu 03 có phòng vệ sinh riêng cho trẻ và giáo viên [H3-3.1-02]; [H1-1.1-04], các phòng vệ sinh có trang bị các thiết bị phục vụ vệ sinh, có quạt thông thoáng, có bồn tiểu bé trai, bé gái riêng [H3.3.6-01]. Những năm gần đây nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, còn 8/9 lớp cùng cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng chung nhà vệ sinh theo từng điểm trường, không có nhà vệ dành cho trẻ khuyết tật học hòa nhập.

b) Hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.3-01]; sử dụng nguồn nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ từ Công ty cấp nước Trung An đạt tiêu chuẩn thông qua các lần xét nghiệm mẫu nước định kỳ trong năm và hóa đơn nước sạch [H3-3.4-02]; trường ký hợp đồng với Công ty nước Saka cung cấp nước uống mỗi ngày cho trẻ [H1-1.10-06].

c) Nhà trường có hợp đồng công ty thu gom rác và xử lý rác, bố trí chỗ để phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường hằng ngày; có hợp đồng công ty thu gom rác y tế được xử lý 01 tuần/lần [H1-1.10-06]. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường, có thùng đựng và phân loại rác thải, được bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại [H3-3.6-02].

## **Mức 2:**

a) Trường có 01/9 lớp tại phân hiệu 3 có phòng vệ sinh riêng cho trẻ và giáo viên, còn 8/9 lớp và giáo viên nhân viên sử dụng chung nhà vệ sinh [H3-3.6-01]. Tổng diện tích nhà vệ sinh là 36 m<sup>2</sup>[H3-3.1-02]. Tuy nhiên, các phòng vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định.

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước sạch đảm bảo vệ sinh, nước được xét nghiệm hàng năm [H3-3.4-02], chất thải được xử lý tốt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế, có hệ thống cống rãnh thoát nước tốt, có hợp đồng công ty thu gom rác để xử lý rác hàng ngày và triển khai thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, nơi để rác cách biệt với các khu vực khác trong nhà trường [H3-3.6-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có nơi chứa rác có mái che.

## **2. Điểm mạnh**

Có đủ nước sạch để sử dụng, đủ điều kiện cung cấp nước ăn, uống và nước sinh hoạt hợp vệ sinh, hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; thực hiện việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng quy định của Bộ Y tế.

## **3. Điểm yếu**

Còn 8/9 lớp cùng cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng chung nhà vệ sinh theo từng điểm trường, không có nhà vệ dành cho trẻ khuyết tật học hòa nhập. Các phòng vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Nhà trường chưa có nơi chứa rác có mái che.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất. Chỉ đạo Phó Hiệu trưởng Giáo dục tiếp tục xây dựng kế hoạch, đưa nội dung phân loại rác thải, hạn chế sử dụng túi nilong vào tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ và tăng cường tổ chức các chuyên đề, hội thảo về công tác bảo vệ môi trường đến đội ngũ giáo viên, nhân viên và Cha mẹ học sinh.

**Tự đánh giá:** Không đạt.

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

### **Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường có các phòng đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Trường có hệ thống thoát nước tốt đảm bảo vệ sinh môi trường, có nguồn nước sạch và hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Hệ thống cống rãnh của nhà trường được lắp đặt thi công đạt yêu cầu, thoát nước tốt, không xảy ra tình trạng ứ đọng nước khi sử dụng.

### **Điểm yếu cơ bản**

Diện tích không đảm bảo theo quy định, phòng lớp không đúng tiêu chuẩn quy định Điều lệ trường Mầm non, trường không có cây xanh to, điểm chính không có sân chơi. Đồ dùng đồ chơi ngoài trời không đủ theo yêu cầu.

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, diện tích chưa đảm bảo đạt chuẩn theo quy định; chưa có phòng chức năng để tổ chức cho trẻ em làm quen với ngoại ngữ, thể chất, âm nhạc và tin học.

Nhà trường không có đủ các phòng để đảm bảo cho hoạt động học của trẻ, không đảm bảo đủ theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế của trường mầm non. Trường không có khu để xe cho khách và cha mẹ học sinh.

Trường không có kho thực phẩm. Chưa trang bị đủ các thiết bị hiện đại như máy sấy chén, máy xắt rau củ; Chưa có hệ thống máy nước nóng và đèn diệt côn trùng. Hệ thống hệ thống kết nối Internet đôi lúc rất yếu, nên hay bị rớt mạng và chưa trang bị đủ máy tính cho các lớp.

Còn 8/9 lớp cùng cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng chung nhà vệ sinh theo từng điểm trường, không có nhà vệ dành cho trẻ khuyết tật học hòa nhập. Các phòng vệ sinh chưa đảm bảo yêu cầu theo quy định. Nhà trường chưa có nơi chứa rác có mái che.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 00/06.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 05/06.

### **Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

#### **Mở đầu**

Giáo dục là một hoạt động mang tính xã hội cao. Do đó, muốn giáo dục toàn diện học sinh, chúng ta phải coi trọng cả giáo dục nhà trường lẫn giáo dục gia đình và xã hội.

Nhận thức rõ về điều này, Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 luôn chú trọng đẩy mạnh công tác kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Ngoài sự phấn đấu nỗ lực của các lực lượng trong nhà trường còn có sự đóng góp về vật chất, tinh thần của cha mẹ học sinh và các cơ quan đoàn thể, các lực lượng xã hội để xây dựng nhà trường ngày càng khang trang, hiện đại.

#### **Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ**

##### **Mức 1**

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

**Mức 2**

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

**Mức 3**

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng****Mức 1**

a) Thông qua Hội nghị Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp vào đầu năm học, đã thành lập được Ban đại diện cha mẹ học sinh của của nhà trường, của mỗi lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 [H1-1.6-04].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động theo đúng tiến độ [H1-1.6-04].

**Mức 2**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, hoạt động lễ hội [H1-1.6-04]; [H1-1.4-12], nhà trường đã thực hiện nhiều hoạt động hiệu quả nhằm tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ học sinh chăm sóc - giáo dục trẻ khi ở nhà như: Thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh [H1-1.6-04], gửi tờ rơi, tài liệu tuyên truyền, trao đổi trực tiếp với phụ huynh trong giờ đón trả trẻ, thông qua bảng tuyên truyền của trường và góc tuyên truyền của lớp [H1-1.4-07], thông tin trên loa phát thanh của trường. Tổ chức cho cha mẹ học sinh được tham dự các buổi chuyên đề, hội thảo bằng nhiều nội dung phong phú và phù hợp, thu hút phụ huynh quan tâm như: chuyên đề kỹ năng nuôi dạy, chăm sóc sức khỏe trẻ em, chuyên đề chuẩn bị tâm lý cho trẻ trước khi bước vào lớp một, thông tin về tình hình sức khỏe, các mặt phát triển của trẻ cũng được thực hiện tốt thông qua sổ liên lạc, sổ bé ngoan [H4-4.1-01] và đặc biệt giáo viên 5- 6 tuổi đã phối hợp tốt với cha mẹ học sinh trong việc tuyên truyền công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Bộ chuẩn phát triển trẻ em năm tuổi, phối hợp cùng cha mẹ học sinh rèn luyện cho trẻ đạt được các yêu cầu theo các chỉ số của bộ chuẩn [H4-4.1-01].

### **Mức 3**

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.6-04]. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch phối hợp với nhà trường chưa cụ thể.

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp và hoạt động theo đúng theo điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh có xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học và Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường, với giáo viên để thực hiện các hoạt động đạt hiệu quả và đúng tiến độ đề ra.

### **3. Điểm yếu**

Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch phối hợp với nhà trường chưa cụ thể.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng phối hợp cùng với Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh và bên cạnh tham mưu với Ban đại diện cha mẹ học sinh về tình hình hoạt động của nhà trường để từ đó, xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, sát với nhà trường hơn.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

**Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường**

#### **Mức 1**

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

#### **Mức 2**

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

### **Mức 3**

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

#### **1. Mô tả hiện trạng:**

### **Mức 1**

a) Hiệu trưởng chủ động báo cáo, tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân Quận 1; Đảng ủy và Ủy ban nhân dân phường Bến Thành những ý kiến đóng góp về chủ trương, chính sách để thực hiện kế hoạch năm học của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh [H1-1.6-04], qua việc trao đổi tuyên truyền giữa giáo viên và phụ huynh [H4-4.1-04], qua bản tin trường, lớp [H1-1.4-07], qua Website của nhà trường [H1-1.1-03].

c) Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.6-04].

### **Mức 2**

a) Hiệu trưởng tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, nhiệm vụ năm học giúp nhà trường hoàn thành chỉ tiêu các năm học như: thực hiện công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, đặc biệt là trẻ 5 tuổi theo chỉ tiêu giao và thực hiện tốt công tác Phổ cập Giáo dục Mầm non cho trẻ năm tuổi, ưu tiên tiếp nhận trẻ trên địa bàn phường [H4-4.1-01].

b) Hiệu trưởng phối hợp với Công đoàn, Chi đoàn, Ban đại diện Cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động lễ hội [H1-1.4-12], sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa bàn xã Trung Chánh: tổ chức ngày hội đến trường của bé 05/9, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Bé chúc mừng xuân, Bé yêu mẹ và cô (08/3), ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ Tổng kết năm học và Lễ ra trường học sinh khối Lá. Giáo viên tổ chức ôn lại các kỹ năng ca múa, hát, đọc thơ,... cho trẻ để tham gia vào hoạt động lễ hội, văn nghệ. Việc tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ giúp trẻ tự tin, mạnh dạn hơn trong giao tiếp với mọi người, trẻ có thêm các kỹ năng về âm nhạc.

### **Mức 3**

a) Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị tại địa phương để xây dựng nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh an toàn cho trẻ; thực hiện ký kết liên tịch về đảm bảo an ninh trật tự với công an xã Trung Chánh [H1-1.10-01], phối hợp với trạm y tế phường tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh (sởi, rubella), uống vitamin A, khám sức khỏe cho trẻ theo định kỳ [H1-1.7-02]. Hằng năm nhà trường được công nhận “Đơn vị văn hóa” [H1-1.2-02]. Tuy nhiên, trường chưa huy động được nhiều sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn phường tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã chủ động tham mưu tốt với các cấp lãnh đạo địa phương và huy động được các nguồn lực xã hội để đầu tư, hỗ trợ nhà trường trong công tác bổ sung trang thiết bị, xây dựng môi trường sạch đẹp, an toàn.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa huy động được nhiều sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn phường tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng tiếp tục phát huy sự chủ động, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cá nhân, tổ chức doanh nghiệp ở địa phương để tăng cường huy động các nguồn lực tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường ngày một khang trang, hiện đại hơn, hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

#### **Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với lãnh đạo, công tác phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, công tác xã hội hóa giáo dục với ban đại diện cha mẹ học sinh có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế. Có nhiều công trình mang tính khả thi cao.

#### **Điểm yếu cơ bản**

Trường chưa huy động được nhiều sự đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn phường tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:** 02/02.

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu:** 00/02.

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

## **Mở đầu**

Qua sự hướng dẫn, chỉ đạo của các cấp lãnh đạo Ngành và chính quyền nhà trường, quá trình nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục của tập thể và sự phối hợp của cha mẹ học sinh, trẻ được sống, học tập, vui chơi theo đúng đặc điểm tâm sinh lý từng lứa tuổi, được phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm xã hội, thẩm mỹ theo Chương trình Giáo dục mầm non và bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. Giáo viên thực hiện tốt việc theo dõi đánh giá trẻ và áp dụng biện pháp tích cực tác động trên trẻ đạt hiệu quả.

### **Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non**

#### **Mức 1**

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

#### **Mức 2**

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

#### **Mức 3**

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

- a) Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch đề ra phù hợp với đặc điểm, điều kiện của nhà trường và phù hợp với sự chỉ đạo của ngành được Phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt [H1-1.1-01].

Kế hoạch năm học của các tổ chuyên môn và của các nhóm lớp [H1-1.4-02] phù hợp với sự chỉ đạo của nhà trường và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt.

b) Nhà trường đã phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 1. Thực hiện kết nối mạng nội bộ cho các lớp, giáo viên thực hiện việc soạn kế hoạch năm – tháng, tuần trên phần mềm Mindjet Manager giúp cho Ban giám hiệu dễ dàng trong việc quản lý, kiểm tra và duyệt kế hoạch [H1-1.4-06]. Hồ sơ quản lý chuyên môn thực hiện đầy đủ theo qui định.

c) Phó hiệu trưởng Giáo dục và các nhóm trưởng đều có duyệt kế hoạch, giáo án cho giáo viên 2 tuần/lần [H1-1.4-02]. Nhận xét, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để giáo viên điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Hằng tháng nhà trường đều tiến hành họp hội đồng sư phạm [H1-1.1-02], sinh hoạt chuyên môn, họp tổ khối nhận xét, đánh giá việc thực hiện Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.4-02]. Hằng năm trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường đều có báo cáo kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

## **Mức 2**

a) Nhà trường Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng. Hằng năm trong báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường đều có kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đánh giá việc thực hiện Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.1-04].

b) Định kỳ Cán bộ quản lý nhà trường kết hợp chặt chẽ với giáo viên nhóm lớp rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng Thông tư 17/2009 và chỉnh sửa bổ sung theo Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.4-06]. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi, giáo viên lớp 5-6 tuổi thiết kế bộ công cụ, lập bảng theo dõi đánh giá sự phát triển của trẻ từ đó điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp. 69/69 trẻ trong trường được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, tỷ lệ 100% [H4-4.1-01].

## **Mức 3**

a) Nhà trường thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non theo đúng Thông tư 17/2009 và 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ [H1-1.4-06]. Tuy nhiên, chưa mạnh dạn tham khảo, áp dụng Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

b) Hằng năm, nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục và chăm sóc trẻ, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với từng địa phương [H1-1.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức thực hiện đúng Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với lứa tuổi học sinh.

## **3. Điểm yếu**

Còn một vài giáo viên mới chưa linh hoạt trong việc soạn kế hoạch trên phần mềm Mindjet Manager.

Nhà trường chưa mạnh dạn tham khảo, áp dụng Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới được.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tốt việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra và đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ, phù hợp với văn hóa địa phương. Phó hiệu trưởng lập kế hoạch bồi dưỡng cho các giáo viên mới nắm bắt kịp thời Chương trình giáo dục mầm non như: Tham gia các lớp bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tham dự các chuyên đề, các tiết thao giảng. Cán bộ quản lý cùng giáo viên mạnh dạn học tập chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

### **Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ**

#### **Mức 1**

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

#### **Mức 2**

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

#### **Mức 3**

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### **Mức 1**

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm. Thông qua giờ hoạt động ngoài trời, hoạt động học, hoạt động chiều, lễ hội và hoạt động tham quan bên ngoài nhà trường 02 lần/năm, nhằm giúp trẻ phát triển tính ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh [H1-1.4- 06]; [H1-1.4-12].

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm lớp. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức hoạt động tham quan bên ngoài nhà trường, nhằm giúp cho toàn thể học sinh trong trường được vui chơi, giải trí, rèn luyện những kỹ năng sống, nhằm giúp cho học sinh được hòa mình với thiên nhiên, tạo sự gắn bó, đoàn kết trong tập thể [H1-1.4-06]; [H1-1.4-12].

#### **Mức 2:**

d) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng - chăm sóc - giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ. Tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm, trẻ được tham gia các hoạt động lễ hội do nhà trường, Trường tổ chức như: Ngày hội “Bé đến trường”, “Bé đọc sách , hội thi: “Nét vẽ xanh” “ Tài năng nhí” và các lễ hội nhằm kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm [H1-1.4-06]; [H1-1.4-12].

#### **Mức 3**

e) Chú trọng tổ chức môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ và theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H1-1.4-06]; [H1-1.4-12]. Tuy nhiên, cần tăng cường tổ chức các trò chơi dân gian cho trẻ.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo mục tiêu, nội dung phù hợp với giáo dục, phù hợp với trẻ và điều kiện của nhà trường, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học lành mạnh, an toàn phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

## 3. Điểm yếu

Giáo viên còn hạn chế trong việc tổ chức các trò chơi dân gian cho trẻ.

## 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì công tác tổ chức, hướng dẫn các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi, các trò chơi dân gian, các bài ca dao, đồng dao, bài hát dân ca phù hợp cho trẻ theo độ tuổi. Xây dựng kế hoạch cụ thể hóa việc tổ chức các trò chơi dân gian phong phú hơn. Đồng thời chỉ đạo giáo viên tăng cường trò chơi dân gian trong hoạt động học, vui chơi và lễ hội.

## 5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

### Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

#### Mức 1

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

#### Mức 2

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

#### Mức 3

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Hằng năm nhà trường đều phối hợp với trung tâm y tế Huyện học môn, y tế xã Trung Chánh tổ chức khám sức khỏe lần/năm và tẩy giun định kỳ cho trẻ 02 lần/năm [H1-1.4-07]; [H1-1.7-02]. Phối hợp với trung tâm y tế Huyện học môn, y tế phường xã Trung Chánh khi có chiến dịch tiêm chủng mở rộng, uống vitamin A, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh.

b) Năm học 2018 - 2019: 230/230 đạt 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.7-02].

Hằng quý 100% trẻ được đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng trong sổ sức khỏe [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.7-02]. Riêng đối với trẻ suy dinh dưỡng - dư cân - béo phì được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng và báo cáo hằng tháng [H1-1.4-08]; [H1-1.7-02].

c) Hằng năm, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi từ 90% trở lên; trẻ dư cân - béo phì được phục hồi từ 20% - 30% trở lên. Trong năm học 2018 - 2019, số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân được phục hồi 05/05 đạt tỷ lệ 100%; suy dinh dưỡng thể thấp còi được phục hồi 03/04 đạt tỷ lệ 75%; trẻ dư cân phục hồi 04/14 đạt tỷ lệ 28,6; trẻ béo phì được phục hồi 04/09 trẻ đạt tỷ lệ 44,4% [H1-1.4-08].

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, có tổ chức tăng cường vận động đối với trẻ dư cân béo phì [H1-1.4-08]; [H1-1.4-07] và có chế độ ăn riêng cho trẻ dư cân, béo phì, chế độ ăn thêm cho trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi. Do đó, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

### **Mức 2**

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em qua các buổi họp phụ huynh, qua các chuyên đề, hội thảo [H1-1.6-04]. Giáo viên, nhân viên y tế trực tiếp tư vấn trao đổi cùng phụ huynh qua các giờ đón trả trẻ, tuyên truyền về sức khỏe qua bảng tin của lớp, của trường [H1-1.4-07].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2017 (điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT).

100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp [H1-1.4-08]. Tuy nhiên, số lượng trẻ béo phì chưa giảm nhiều so với đầu vào.

### **Mức 3**

Năm học 2018 - 2019 trường có 239/255 trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường đạt tỷ lệ 93,7% [H1-1.4-08].

### **2. Điểm mạnh**

Trẻ có chiều cao, cân nặng, phát triển bình thường theo độ tuổi đạt tỷ lệ đạt 93,7% trẻ thực hiện được các vận động cơ bản, có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo phù hợp với độ tuổi; có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân, có kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe phù hợp với độ tuổi.

### **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ % trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường còn thấp (đạt tỷ lệ 93,7%) so với yêu cầu (đạt tỷ lệ 95%).

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch hoạt động vui chơi, thường xuyên tăng cường tổ chức hoạt động vận động cho trẻ trong lớp, ngoài trời, kết hợp tổ chức các chuyên đề về dinh dưỡng nhằm tư vấn cho phụ huynh các kiến thức về thực phẩm, cách chế biến và sự kết hợp các dưỡng chất, giúp phụ huynh hiểu thêm về sự cân bằng dinh dưỡng để chế biến các bữa ăn cho trẻ hợp lý. Ngoài ra, vận động phụ huynh sắp xếp thời gian tạo điều kiện cho trẻ được đi bơi, đạp xe đạp ngoài trời (để giảm bớt thời gian trẻ ngồi chơi máy tính, ipad) nhằm giảm tỷ lệ trẻ dư cân, béo phì.

### **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

#### **Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục**

#### **Mức 1**

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

#### **Mức 2**

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

### **Mức 3**

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

## **1. Mô tả hiện trạng**

### **Mức 1**

a) Tính đến thời gian thực hiện báo cáo tự đánh giá, tỷ lệ chuyên cần trẻ đến trường đạt tỉ lệ cao, cụ thể: trẻ 3 - 4 tuổi đạt tỷ lệ 84,2%, trẻ 4 - 5 tuổi đạt tỷ lệ 88,1%, trẻ 5-6 tuổi đạt tỷ lệ 92%.

a) . Thực hiện đầy đủ các hồ sơ: Hồ sơ quản lý trẻ em; Sổ điểm danh hằng ngày [H1-1.5-01]; Sổ tổng hợp chuyên cần của từng độ tuổi.

b) Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi được chuẩn bị một cách đầy đủ tâm thế để thích nghi vào lớp một. Năm học 2019-2020, nhà trường có 75/75 - tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non [H4-4.1-01]. Nhà trường thực hiện đánh giá 75/75 - tỷ lệ 100% trẻ 5 tuổi theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi theo 120 chỉ số được thực hiện hằng tháng [H4-4.1-01].

c) Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01]. Riêng đối với trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm thực hiện hồ sơ gửi cấp trên để được hỗ trợ học phí [H5-5.4-01].

### **Mức 2**

b) Giáo viên phối hợp tốt với phụ huynh và quản lý trẻ chặt chẽ hằng ngày thông qua việc: yêu cầu phụ huynh báo trước hoặc gửi đơn xin phép khi bé nghỉ học, nếu trẻ vắng không phép, giáo viên liên hệ với phụ huynh để biết lý do trẻ nghỉ học [H1-1.5-01]. Trẻ đi học chuyên cần đạt tỷ lệ cao: trẻ 3 - 4 tuổi đạt tỷ lệ 84,2%, trẻ 4 - 5 tuổi đạt tỷ lệ 88,1%, trẻ 5-6 tuổi đạt tỷ lệ 92%.

c) Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao

chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi được chuẩn bị một cách đầy đủ về tâm thế để giúp trẻ thích nghi khi bước vào lớp một, năm học 2019-2020, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện đầy đủ hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi.

d) Từ năm học 2014 - 2015 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01].

### **Mức 3**

a) Trường thực hiện tốt kế hoạch công tác phổ cập giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ 5 tuổi được chuẩn bị một cách đầy đủ về tâm thế để giúp trẻ thích nghi khi bước vào lớp một, năm học 2019-2020, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện đầy đủ hồ sơ phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, Hồ sơ quản lý trẻ em.

b) Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01]. Kiến thức nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em khuyết tật học hòa nhập của giáo viên tại đơn vị còn hạn chế.

## **2. Điểm mạnh**

Trường có sự phối hợp tốt với chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương và phụ huynh trong công tác huy động trẻ 5 tuổi đến trường và đảm bảo trẻ được hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, năm học 2019-2020, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non và được đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ chuyên cần ở lứa 3-4 tuổi còn thấp, do trẻ còn nhỏ hay bệnh, phụ huynh cho trẻ nghỉ học ở nhà để chăm sóc.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 – 2020, Hiệu trưởng tiếp tục giữ vững chỉ tiêu 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non và đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. Đồng thời phân công Phó Hiệu trưởng sưu tầm các tài liệu và đưa và nội dung học tập bồi dưỡng thường xuyên, yêu cầu giáo viên tham khảo kiến thức nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em khuyết tật học hòa nhập. Bên cạnh, tuyên truyền đội ngũ giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng tăng cường công tác chăm sóc – nuôi dưỡng, phát triển vận động cho trẻ để góp phần phát triển thể chất cho trẻ. Ngoài ra, nhà trường tổ chức các buổi tuyên truyền về công tác phòng, chống dịch bệnh theo mùa cho cha mẹ học sinh tham dự nhằm giảm tỷ lệ trẻ mắc bệnh.

## **5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.**

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

### **Điểm mạnh nổi bật**

Nhà trường có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, nhân viên nhiệt tình có ý thức, có trách nhiệm với sự tồn tại và phát triển của nhà trường, làm tốt nhiệm vụ chăm sóc nuôi dạy trẻ. Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường luôn được đánh giá tốt, trẻ phát triển cân đối, khỏe mạnh. Tỷ lệ trẻ nằm trong kênh bình thường cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng luôn dưới 10%. Đối với những trẻ thừa cân béo phì, nhà trường có nhiều biện pháp nhằm hạn chế tăng cân và đảm bảo sức khỏe cho trẻ.

### **Điểm yếu cơ bản**

Chưa mạnh dạn tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới. Giáo viên xây dựng môi trường trong và ngoài lớp chưa phong phú, đa dạng.

Tỷ lệ % trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường còn thấp (đạt tỷ lệ 93,7%) so với yêu cầu (đạt tỷ lệ 95%).

Tỷ lệ chuyên cần ở lứa tuổi 3-4 tuổi còn thấp do trẻ còn nhỏ hay bệnh, phụ huynh cho trẻ nghỉ học ở nhà để chăm sóc.

**Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.**

**Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.**

## **II. KẾT LUẬN CHUNG**

Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 có cơ cấu tổ chức bộ máy nhà trường chặt chẽ, hợp lý, phát huy được nguồn lực cũng như sức mạnh đảm bảo cho việc điều hành tổ chức các hoạt động trong nhà trường đạt hiệu quả cao. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường an tâm trong công tác, có tinh thần học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, có ý thức trách nhiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đạt chất lượng cao, đáp ứng cho nhu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ. Nhà trường tiếp tục phối hợp tốt với cha mẹ trẻ trong việc hợp tác, hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, chủ động tham mưu với cấp lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể góp phần cùng nhà trường xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ngày một nâng cao. Trường đạt được những kết quả cụ thể về các chỉ số và các tiêu chí như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 1:

+ Các tiêu chí đạt: 19/25, tỷ lệ: 76%

+ Các tiêu chí không đạt: 06/25, tỷ lệ: 24%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 2:

- + Các tiêu chí đạt: 19/25, tỷ lệ: 76%
- + Các tiêu chí không đạt: 06/25, tỷ lệ: 24%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt Mức 3:
  - + Các tiêu chí đạt: 05/25, tỷ lệ: 20%
  - + Các tiêu chí không đạt: 20/25, tỷ lệ: 80%
- **Mức đánh giá của Trường Mẫu giáo Bông Sen 1: Không đạt**

**➤ Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1**

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục của Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Nhà trường kính mong nhận được sự chỉ đạo sâu sát, sự quan tâm, giúp đỡ và hướng dẫn của các cấp quản lý, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, chính quyền địa phương đóng góp ý kiến để trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, để nhà trường ngày càng hoàn thiện hơn và hoạt động có hiệu quả cao trong thời gian tới./.

*Hóc Môn, ngày 06 tháng 3 năm 2020*


  
**HIỆU TRƯỞNG**
  

  
**Phạm Thị Hòa**

**Phần IV. PHỤ LỤC**  
**Bảng danh mục mã minh chứng**

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>       | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b> | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b>        |
|---------------------|--------------|----------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>Tiêu chuẩn 1</b> |              |                      |                             |                                                                                      |                                                  |                                     |
| <b>Tiêu chí 1.1</b> | 1            | [H1-1.1-01]          | Các kế hoạch                | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020                                       | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1                       | Hiệu trưởng                         |
|                     | 2            | [H1-1.1-02]          | Các loại sổ họp             | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020                                       | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1                       | Hiệu trưởng                         |
|                     | 3            | [H1-1.1-03]          | Hồ sơ công khai             | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020                                       | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1                       | Hiệu trưởng                         |
|                     | 4            | [H1-1.1-04]          | Báo cáo sơ kết, tổng kết    | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019                                       | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1                       | Hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 1.2</b> | 5            | [H1-1.2-01]          | Hồ sơ Hội đồng trường       | Quyết định số 2302/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 10 năm 2019                                | Chủ tịch Ủy Ban nhân dân Huyện Hóc Môn           | Hiệu trưởng                         |
|                     | 6            | [H1-1.2-02]          | Hồ sơ thi đua – khen thưởng | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019                                       | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1                       | Hiệu trưởng                         |
|                     | 7            | [H1-1.2-03]          | Hồ sơ Hội đồng khoa học     | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019                                       | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1                       | Hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 1.3</b> | 8            | [H1-1.3-01]          | Hồ sơ Công đoàn             | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020                                       | Công đoàn Trường Mẫu giáo Bông Sen 1             | Chủ tịch Công đoàn                  |
|                     | 9            | [H1-1.3-02]          | Hồ sơ chi đoàn              | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020                                       | Chi đoàn Trường Mẫu giáo Bông Sen 1              | Bí thư Chi đoàn                     |
|                     | 10           | [H1-1.3-03]          | Hồ sơ Hội chữ thập đỏ       | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020                                       | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1                       | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |

|                     |    |             |                                                                                                       |                                                |                            |                                              |
|---------------------|----|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|----------------------------------------------|
|                     | 11 | [H1-1.3-04] | Hồ sơ Hội khuyến học                                                                                  | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó Hiệu trưởng Giáo dục                     |
|                     | 12 | [H1-1.3-05] | Hồ sơ Đảng                                                                                            | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Giáo viên                  | Khối trưởng chuyên môn                       |
|                     | 13 | [H1-1.3-06] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại công chức – viên chức và người lao động                                      | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                  |
|                     | 14 | [H1-1.3-07] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại Chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng                                           | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                  |
|                     | 15 | [H1-1.3-08] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên                                                  | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                  |
| <b>Tiêu chí 1.4</b> | 16 | [H1-1.4-01] | Hồ sơ quản lý nhân sự                                                                                 | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phòng hành chính                             |
|                     | 17 | [H1-1.4-02] | Hồ sơ tổ chuyên môn                                                                                   | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Giáo viên                  | Khối trưởng chuyên môn                       |
|                     | 18 | [H1-1.4-03] | Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên                                                                          | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó hiệu trưởng Giáo dục                     |
|                     | 19 | [H1-1.4-04] | Hồ sơ quản lý tài sản                                                                                 | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phòng hành chính<br>Phòng<br>Phó Hiệu trưởng |
|                     | 20 | [H1-1.4-05] | Hồ sơ giáo viên                                                                                       | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó Hiệu trưởng                              |
|                     | 21 | [H1-1.4-06] | Kế hoạch giáo dục các lớp                                                                             | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó hiệu trưởng Giáo dục                     |
|                     | 22 | [H1-1.4-07] | Hình ảnh cơ sở vật chất, các hoạt động trong nhà trường, hình ảnh tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó hiệu trưởng Giáo dục                     |
|                     | 23 | [H1-1.4-08] | Hồ sơ quản lý công tác bán trú                                                                        | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng          |

|                     |    |             |                                                         |                                                |                            |                                                                 |
|---------------------|----|-------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------|
|                     | 24 | [H1-1.4-09] | Hồ sơ chuyên đề                                         | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng<br>Phó hiệu trưởng Giáo dục |
|                     | 25 | [H1-1.4-10] | Hồ sơ quản lý tài chính                                 | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phòng hành chính                                                |
|                     | 26 | [H1-1.4-11] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ                                   | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                                     |
|                     | 27 | [H1-1.4-12] | Hồ sơ hoạt động lễ hội – tham quan bên ngoài nhà trường | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                                     |
| <b>Tiêu chí 1.5</b> | 28 | [H1-1.5-01] | Hồ sơ quản lý học sinh                                  | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phòng hành chính                                                |
| <b>Tiêu chí 1.6</b> | 29 | [H1-1.6-01] | Hồ sơ công tác văn thư lưu trữ                          | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phòng hành chính                                                |
|                     | 30 | [H1-1.6-02] | Hồ sơ bồi dưỡng chuyên môn                              | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó hiệu trưởng Giáo dục<br>Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng |
|                     | 31 | [H1-1.6-03] | Phiếu Cán bộ quản lý dự giờ giáo viên                   | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó hiệu trưởng Giáo dục                                        |
|                     | 32 | [H1-1.6-04] | Hồ sơ hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh        | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                                     |
|                     | 33 | [H1-1.6-05] | Hồ sơ thực hiện quy chế dân chủ                         | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                                     |
|                     | 34 | [H1-1.6-06] | Hồ sơ hội nghị cán bộ - công chức - viên chức           | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                                     |
|                     | 35 | [H1-1.6-07] | Các hợp đồng quản lý                                    | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phòng hành chính                                                |
| <b>Tiêu chí 1.7</b> | 36 | [H1-1.7-01] | Hồ sơ chế độ, chính sách                                | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                                                     |

|                      |    |              |                                                        |                                                |                            |                                     |
|----------------------|----|--------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|
|                      | 37 | [H1-1.7-02]  | Hồ sơ y tế học đường                                   | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phòng y tế                          |
| <b>Tiêu chí 1.9</b>  | 38 | [H1-1.9-01]  | Hồ sơ tiếp công dân                                    | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                         |
|                      | 39 | [H1-1.9-02]  | Hồ sơ ban thanh tra nhân dân                           | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Ban thanh tra nhân dân              |
|                      | 40 | [H1-1.9-03]  | Hồ sơ thực thi nhiệm vụ, công vụ                       | Từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2018 - 2019 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                         |
|                      | 41 | [H1-1.9-04]  | Hồ sơ tuyển dụng, bổ nhiệm                             | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 1.10</b> | 42 | [H1-1.10-01] | Hồ sơ an ninh trật tự                                  | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                         |
|                      | 43 | [H1-1.10-02] | Hồ sơ vệ sinh an toàn thực phẩm                        | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó Hiệu trưởng Chăm sóc nuôi dưỡng |
|                      | 44 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ phổ biến pháp luật                               | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phó Hiệu trưởng Chăm sóc nuôi dưỡng |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>  |    |              |                                                        |                                                |                            |                                     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>  |    |              |                                                        |                                                |                            |                                     |
| <b>Tiêu chí 3.1</b>  | 45 | [H3-3.1-01]  | Hồ sơ quản lý nhà đất                                  | Năm 2009                                       | Đơn vị thi công            | Hiệu trưởng                         |
| <b>Tiêu chí 3.5</b>  | 46 | [H3-3.5-01]  | Hồ sơ sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Phòng hành chính                    |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>  |    |              |                                                        |                                                |                            |                                     |
|                      | 47 | [H4-4.1-01]  | Hồ sơ phổ cập                                          | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng                         |

|                         |    |             |                                          |                                                |                            |             |
|-------------------------|----|-------------|------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------|-------------|
| <b>Tiêu chí<br/>4.1</b> |    |             |                                          |                                                |                            |             |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |    |             |                                          |                                                |                            |             |
| <b>Tiêu chí<br/>5.4</b> | 48 | [H5-5.4-01] | Hồ sơ miễn giảm học phí cho trẻ khó khăn | Từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2019 - 2020 | Trường Mẫu giáo Bông Sen 1 | Hiệu trưởng |